

HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM
KHOA Y HỌC LÂM SÀNG



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
NGÀNH Y HỌC CỔ TRUYỀN
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

MÃ NGÀNH: 7720115

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2940/QĐ-HVYDCT,
ngày 20 tháng 10 năm 2023)

Hà Nội - 2023

MỤC LỤC

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	
DANH MỤC BẢNG	
DANH MỤC SƠ ĐỒ	
I. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	1
II. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	1
III. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	2
3.1. Sứ mạng - Tầm nhìn - Triết lý giáo dục - Giá trị cốt lõi của Học viện.....	2
3.2. Mục tiêu của chương trình (Program Objectives - PO).....	2
IV. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	3
4.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLO)	4
4.2. Sự phù hợp của chuẩn đầu ra với mục tiêu của chương trình đào tạo	4
4.3. Sự phù hợp của chuẩn đầu ra với Khung trình độ quốc gia Việt Nam	5
4.4. Những yêu cầu đặc thù - Các hoạt động chuyên môn chủ chốt	6
V. VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ CƠ HỘI HỌC TẬP SAU ĐẠI HỌC.....	7
5.1. Vị trí việc làm.....	7
5.2. Cơ hội học tập sau đại học.....	7
VI. THÔNG TIN TUYỂN SINH	7
VII. TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP	8
7.1. Tiến trình đào tạo.....	8
7.2. Quy trình đào tạo	8
7.3. Điều kiện tốt nghiệp	9
VIII. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH.....	9
8.1. Thời gian đào tạo, khối lượng kiến thức toàn khoá.....	9
8.2. Cấu trúc chương trình dạy học	9
8.3. Kế hoạch đào tạo theo năm học.....	14
8.4. Mô tả các học phần.....	19
8.5. Ma trận đóng góp của các học phần theo yêu cầu năng lực của chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo	43
IX. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC.....	48
9.1. Ma trận giữa các học phần và phương pháp dạy học	50
9.2. Các phương pháp dạy và học nói trên giúp sinh viên đạt được PLO.....	60

9.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học.....	60
9.4. Đội ngũ và cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy.....	60
X. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ	61
10.1. Đánh giá chung toàn khoá	61
10.2. Đánh giá học phần	61
10.3. Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubrics)	69
10.4. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá.....	69
10.5. Đối với học phần Thực tập nghề nghiệp	70
XI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	71
XII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	71
XIII. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT.....	72
XIV. PHỤ LỤC	72

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Viết tắt	Nghĩa tiếng Việt	Nghĩa tiếng Anh
CTĐT	Chương trình đào tạo	
GV	Giảng viên	
PO	Mục tiêu của chương trình đào tạo	<i>Program Objectives</i>
PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	<i>Program Learning Outcomes</i>
HP	Học phần	
TH	Thực hành	
LT	Lý thuyết	
TC	Tín chỉ	
YHCT	Y học cổ truyền	
YHHĐ	Y học hiện đại	

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Thông tin chung về Chương trình đào tạo	1
Bảng 2. Ma trận tích hợp mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	5
Bảng 3. Sự phù hợp của chuẩn đầu ra với Khung trình độ quốc gia Việt Nam	5
Bảng 4. Phân bố kiến thức giảng dạy theo năm học	8
Bảng 5. Khối lượng kiến thức toàn khóa.....	10
Bảng 6. Kiến thức giáo dục đại cương	10
Bảng 7. Kiến thức cơ sở của khối ngành.....	11
Bảng 8. Kiến thức cơ sở ngành	11
Bảng 9. Kiến thức ngành	12
Bảng 10. Thực tế nghề nghiệp, chuyên môn tổng hợp.....	14
Bảng 11. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo....	43
Bảng 12. Bảng ma trận giữa các học phần và phương pháp dạy học.....	50
Bảng 13. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLO) và phương pháp dạy-học.....	60
Bảng 14. Bảng ma trận giữa các học phần và phương pháp đánh giá.....	63
Bảng 15. Quan hệ giữa phương pháp đánh giá và PLO	69

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1. Sơ đồ chương trình giảng dạy	9
---	---

I. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép mở ngành Y học cổ truyền trình độ đại học theo Quyết định 3229/QĐ/BGD&ĐT-ĐH&SĐH ngày 16/06/2005. Học viện đã nhiều lần tổ chức rà soát, đánh giá và điều chỉnh CTĐT nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của ngành và đáp ứng năng lực cơ bản của Bác sĩ Y khoa Việt Nam.

Nội dung Chương trình đào tạo được sắp xếp các khối kiến thức theo thứ tự: Khoa học cơ bản- Y học cơ sở- Y tế công cộng- Y học lâm sàng, từ Y lý YHCT cho đến phương pháp điều trị dùng thuốc và không dùng thuốc, đến bệnh học và điều trị YHHĐ kết hợp YHCT, có sự lồng ghép các khối kiến thức theo một trình tự, từ tế bào đến phân tử, từ phân tử đến cơ quan và từ cơ quan đến hệ thống, từ tiền lâm sàng đến lâm sàng giúp cho sinh viên vận dụng tốt những kiến thức khoa học cơ bản và kiến thức y học cơ sở vào trong khoa học lâm sàng, trong diễn giải các dấu hiệu và triệu chứng, biện luận chẩn đoán và lựa chọn điều trị ở các mức độ khác nhau theo lộ trình học tập.

Chương trình tập trung nhiều hơn vào việc giảng dạy y đức và tính chuyên nghiệp cho sinh viên, giúp sinh viên sẽ có thái độ tốt với người bệnh, đồng nghiệp, có trách nhiệm với cộng đồng, xã hội trong hành nghề y sau này.

Với nguồn nhân lực trình độ cao được đào tạo từ các trường đại học trong lĩnh vực YHCT trong nước và ngoài nước, cùng với điều kiện cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ chất lượng cao đóng góp vào sự phát triển của lĩnh vực YHCT trong cả nước.

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bảng 1. Thông tin chung về Chương trình đào tạo

1. Tên chương trình đào tạo (Name of Program)	NGÀNH Y HỌC CỔ TRUYỀN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC (TRADITIONAL MEDICINE)
2. Mã ngành đào tạo (Code)	7720115
3. Thời gian đào tạo chuẩn (Duration)	6 năm (6 years)
4. Cơ sở đào tạo (Institute)	Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (Vietnam University of Traditional Medicine)
5. Loại hình đào tạo (Type)	Chính quy (Official)

6. Ngôn ngữ đào tạo (Language)	Tiếng Việt (Vietnamese)
7. Tổng số tín chỉ (Credits)	195 tín chỉ (Credits) - Không bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng
8. Danh hiệu tốt nghiệp (Degree)	Bác sĩ Y học cổ truyền (Traditional Medical Doctor)
9. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp (Employment options)	- Các cơ sở y tế trong và ngoài công lập lĩnh vực YHCT - Các cơ sở đào tạo và các cơ quan quản lý y tế - Các viện, trung tâm nghiên cứu, ứng dụng y học - Các đơn vị khác có liên quan
10. Khả năng nâng cao trình độ (Higher education options)	Bác sĩ nội trú lĩnh vực YHCT Bác sĩ chuyên khoa I lĩnh vực YHCT Bác sĩ chuyên khoa II lĩnh vực YHCT Thạc sĩ lĩnh vực YHCT Tiến sĩ lĩnh vực YHCT

III. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Sứ mạng - Tầm nhìn - Triết lý giáo dục - Giá trị cốt lõi của Học viện

* **Sứ mạng:** Đào tạo nhân lực y tế chất lượng cao, chuyên sâu về Y học cổ truyền, Y khoa, Dược học và các ngành khác thuộc khối ngành sức khỏe; nghiên cứu khoa học, thừa kế, bảo tồn và phát triển y, dược cổ truyền; chuyển giao trí thức, cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại, dịch vụ khác đáp ứng yêu cầu phục vụ xã hội và đất nước.

* **Tầm nhìn:** Xây dựng Học viện trở thành cơ sở giáo dục đại học hàng đầu trong nước và khu vực về đào tạo, nghiên cứu khoa học, khám chữa bệnh kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại góp phần phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.

* **Giá trị cốt lõi:** Thừa kế - Phát triển; Đoàn kết – sáng tạo; Chất lượng – Hiệu quả.

* Triết lý giáo dục của Học viện

Triết lý giáo dục của Học viện YDHCT Việt Nam là **Thừa kế - Sáng tạo - Chất lượng**

- **Thừa kế:** tiếp nhận, tiếp nối và duy trì kho tàng tri thức của các bậc tiền bối để lại.

- **Sáng tạo:** phát minh, nghiên cứu khoa học nhằm tạo ra tri thức mới.

- **Chất lượng:** hoàn thiện, ưu việt, đáp ứng mong đợi trong mọi hoạt động giáo dục

3.2. Mục tiêu của chương trình (Program Objectives - PO)

Nguyên tắc xây dựng mục tiêu chương trình đào tạo: Mục tiêu của chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Y học cổ truyền trình độ đại học được xây dựng dựa trên các cơ sở phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học theo quy định của Luật giáo dục đại học và mô tả trình độ theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam; phù hợp và gắn kết với mục tiêu chung của khối ngành Sức khỏe; với Sứ mạng - Tầm nhìn - Triết lý giáo dục - Chiến lược phát triển - Hệ thống giá trị cốt lõi của Học viện và nhu cầu của xã hội, đảm bảo sinh viên sau khi tốt nghiệp đáp ứng được năng lực cơ bản của bác sĩ YHCT Việt Nam. CTĐT được xây dựng theo định hướng đào tạo nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng và các bên liên quan.

* **Mục tiêu chung:** Đào tạo Bác sĩ Y học cổ truyền có sức khỏe, có phẩm chất chính trị, đạo đức và có ý thức phục vụ nhân dân, đạt chuẩn năng lực cơ bản của Bác sĩ Y học cổ truyền (YHCT) Việt Nam: về khả năng ứng dụng được kiến thức khoa học cơ bản và kiến thức y học trong thực hành nghề nghiệp; thực hành chăm sóc những vấn đề sức khỏe thường gặp cho người dân bằng YHCT kết hợp Y học hiện đại (YHHĐ) một cách an toàn, chất lượng và hiệu quả; có khả năng nghiên cứu khoa học, khả năng tự học và học tập suốt đời; có khả năng tổ chức, quản lý và giải quyết có hiệu quả các vấn đề sức khỏe thường gặp; có năng lực giao tiếp, cộng tác và làm việc nhóm hiệu quả; có năng lực hành nghề chuyên nghiệp dựa trên chuẩn mực đạo đức, trách nhiệm phù hợp với bối cảnh kinh tế văn hoá xã hội, thích nghi với môi trường làm việc và bước đầu hội nhập quốc tế.

* **Mục tiêu cụ thể:**

1. Ứng dụng được kiến thức khoa học cơ bản và kiến thức y học trong thực hành nghề nghiệp, thực hành chăm sóc những vấn đề sức khỏe thường gặp cho người dân bằng YHCT kết hợp với YHHĐ một cách an toàn, chất lượng và hiệu quả.

2. Có khả năng lập luận, phản biện, ra quyết định lâm sàng dựa trên bằng chứng khoa học, kinh nghiệm và phù hợp với hoàn cảnh thực tế.

3. Có khả năng nghiên cứu khoa học, tự học và học tập suốt đời góp phần đáp

ứng nhu cầu và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

4. Lập kế hoạch, tổ chức, quản lý hiệu quả hoạt động chuyên môn.
5. Giao tiếp và hợp tác hiệu quả trong giải quyết các vấn đề sức khỏe.
6. Năng lực hành nghề chuyên nghiệp dựa trên những chuẩn mực đạo đức và pháp luật.

IV. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

4.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLO)

Khi hoàn thành chương trình đào tạo ngành Y học cổ truyền trình độ đại học của Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam, sinh viên tốt nghiệp có khả năng:

1. Vận dụng được kiến thức chuyên ngành trong chẩn đoán, điều trị và tư vấn dự phòng các bệnh thường gặp bằng YHCT kết hợp YHHĐ.
2. Vận dụng được kiến thức khoa học cơ bản, khoa học xã hội, khoa học y sinh trong thực hành nghề nghiệp và quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.
3. Chẩn đoán được các bệnh thường gặp bằng YHCT, YHHĐ.
4. Điều trị được các bệnh thường gặp bằng YHCT kết hợp YHHĐ.
5. Tư vấn dự phòng được các bệnh thường gặp bằng YHCT kết hợp YHHĐ.
6. Phát hiện, xử trí kịp thời, an toàn và chuyển tuyến phù hợp những cấp cứu thông thường tại tuyến y tế cơ sở.
7. Thực hiện được một số thủ thuật cơ bản theo quy trình kỹ thuật chuyên ngành YHCT của Bộ Y tế.
8. Thực hiện được các đề tài nghiên cứu khoa học về một vấn đề sức khỏe thường gặp bằng YHCT kết hợp YHHĐ dưới sự hướng dẫn của chuyên gia.
9. Sử dụng được công nghệ thông tin để xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học và nâng cao trình độ và đáp ứng yêu cầu công việc.
10. Có kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và người khác phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện thực tế.
11. Có kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong hoạt động chuyên môn.
12. Có kỹ năng tự đánh giá, giám sát được công việc chuyên môn của bản thân và đồng nghiệp; phát hiện được một số vấn đề tồn tại trong công việc, đưa ra được ý kiến đề xuất khắc phục.
13. Có năng lực ngoại ngữ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt

Nam.

14. Giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả, thể hiện khả năng làm việc độc lập, tự học và tự nghiên cứu suốt đời.

15. Có trách nhiệm tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và chịu trách nhiệm cá nhân trong công tác chuyên môn, có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

16. Lập được kế hoạch, hướng dẫn, tổ chức, sử dụng, điều phối, giám sát, quản lý, đánh giá và đề xuất cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn.

17. Tuân thủ các quy định của pháp luật và đạo đức nghề nghiệp.

4.2. Sự phù hợp của chuẩn đầu ra với mục tiêu của chương trình đào tạo

Bảng 2. Ma trận tích hợp mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra																
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	x	x	x	x	x	x	x					x	x	x	x	x	
2			x	x	x	x					x	x		x	x	x	
3								x	x					x			
4										x	x	x		x	x	x	
5											x	x		x			
6											x	x			x	x	x

4.3. Sự phù hợp của chuẩn đầu ra với Khung trình độ quốc gia Việt Nam

Bảng 3. Sự phù hợp của chuẩn đầu ra với Khung trình độ quốc gia Việt Nam

Tiêu chí PLO	Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	K1	K2	K3	K4	K5	S1	S2	S3	S4	S5	S6	C1	C2	C3	C4
PLO1	3			3											
PLO2		3	3	3	3										
PLO3	3					3		3				3		3	
PLO4	3					3		3				3		3	3
PLO5	3					3		3				3		3	3
PLO6	3					3		3				3		3	
PLO7	3					3						3			

PLO8			3			3									
PLO9			3												
PLO10		3		3	3		3			3					
PLO11		3			3			3		3					
PLO12		3				3	3		3						
PLO13			3								3				
PLO14		3								3		3	3		
PLO15	3				3	3			3				3	3	
PLO16	3		3	3	3	3			3				3		3
PLO17		3			3								3		

Ghi chú:

Mức 1: Không đáp ứng

Mức 3: Đáp ứng đầy đủ

Mức 2: Đáp ứng một phần

Mức 4: Vượt hơn yêu cầu

4.4. Những yêu cầu đặc thù - Các hoạt động chuyên môn chủ chốt

EPA	Diễn giải	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Năm 6
1	Khám bệnh				
	Khai thác bệnh sử, tiền sử	2	3	4	5
	Khám thực thể	2	3	4	5
2	Chẩn đoán sơ bộ	2	3	4	5
3	Chỉ định và phân tích kết quả CLS thông thường.	2	3	4	5
4	Chẩn đoán xác định và biện chứng luận trị	1	2	3	4
5	Thực hiện cấp cứu ban đầu	1	2	3	4
6	Kê đơn thuốc theo phạm vi hành nghề của Bác sĩ YHCT	1	2	3	4
7	Ghi chép hồ sơ, bệnh án	2	3	4	5
8	Trình bày ca lâm sàng	2	3	4	5
9	Tìm kiếm chứng cứ y khoa trong chăm sóc người bệnh	1	2	3	4
10	Bàn giao và tiếp nhận người bệnh	2	3	4	5
11	Hợp tác trong nhóm chăm sóc người bệnh	1	2	3	4

12	Phát hiện và xử trí các tiến triển của người bệnh	1	2	3	4
13	Thảo luận để có sự đồng thuận của người bệnh	1	2	3	4
14	Thực hiện được một số thủ thuật/kỹ thuật	1	2	3	4
15	Phòng ngừa sự cố y khoa	1	2	3	4
16	Ứng dụng nguyên lý YTCC trong thực hành y khoa	1	2	3	4

Ghi chú:

0: Chưa làm

3: Làm tiến bộ hơn

1: Làm nhưng chưa tin cậy

4: Làm tiến bộ và tin tưởng

2: Làm chưa tin cậy nhưng có tiến bộ

5: Làm tốt và tin tưởng hoàn toàn

V. VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ CƠ HỘI HỌC TẬP SAU ĐẠI HỌC

5.1. Vị trí việc làm

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành YHCT trình độ đại học, sinh viên có khả năng đảm nhiệm công tác khám chữa bệnh, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và quản lý tại:

- Các cơ sở y tế, các đơn vị kinh doanh dịch vụ phục hồi sức khỏe bằng YHCT.
- Các cơ sở đào tạo thuộc khối ngành khoa học sức khỏe.
- Các Viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu và ứng dụng, cơ quan quản lý hay tổ chức chuyên môn.
- Tại đơn vị khám, chữa bệnh với công tác tổ chức, quản lý và điều hành chuyên môn.
- Tại các công ty được có kinh doanh hoặc nghiên cứu lĩnh vực YHCT.
- Các tổ chức phi chính phủ, tổ chức quốc tế liên quan tới sức khỏe, y tế...

5.2. Cơ hội học tập sau đại học

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành YHCT trình độ đại học, sinh viên có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu đúng chuyên ngành hoặc các chuyên ngành chuyên sâu của YHCT ở các bậc cao hơn ở trong và ngoài nước:

- Hệ thực hành: Bác sĩ Nội trú, Bác sĩ chuyên khoa cấp I.
- Hệ nghiên cứu: Thạc sĩ Y học, Tiến sĩ Y học.

VI. THÔNG TIN TUYỂN SINH

- Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước và nước ngoài;
- Đối tượng tuyển sinh: Tất cả thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương; có nguyện vọng vào ngành YHCT;
- Phương thức tuyển sinh: Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo và theo Đề án tuyển sinh của Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam.

VII. TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

7.1. Tiến trình đào tạo

Bảng 4. Phân bố kiến thức giảng dạy theo năm học

Khối kiến thức	Loại môn học	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Năm 6
Giáo dục đại cương	Học phần chung	x	x				
	Cơ sở của Y học cổ truyền	x	x				
Giáo dục chuyên nghiệp	Cơ sở ngành	x	x	x			
	Kiến thức ngành bắt buộc			x	x	x	x
	Kiến thức bổ trợ					x	x
	Học phần thực tế nghề nghiệp, chuyên môn tổng hợp						x

7.2. Quy trình đào tạo

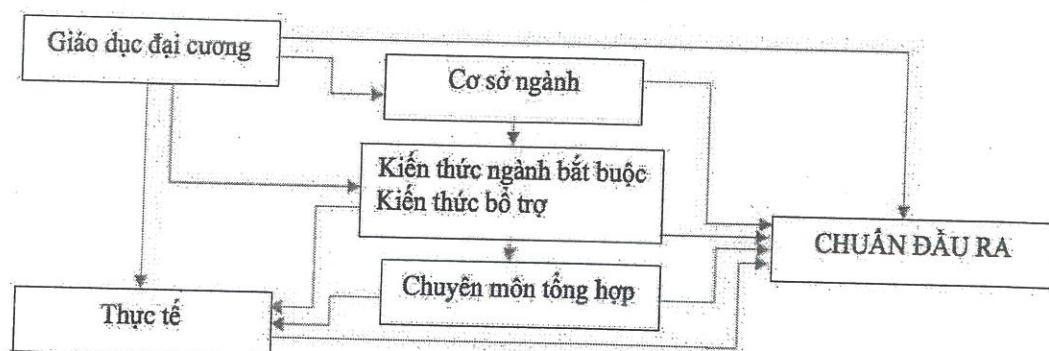
CTĐT được cấu trúc theo hệ thống tín chỉ. Tổ chức và đào tạo theo khoá học năm học và học kỳ.

Khoá học là thời gian trung bình cần thiết để sinh viên hoàn thành một chương trình đào tạo. Cụ thể đối với trình độ đại học hệ chính quy ngành bác sĩ Y khoa là 6 năm học.

Mỗi năm học gồm hai học kỳ chính (từ giữa tháng Tám đến cuối tháng Sáu), mỗi học kỳ chính có 15 tuần thực học và 3 tuần thi. Ngoài hai học kỳ chính, Học viện tổ chức thêm một học kỳ phụ (từ đầu tháng Bảy đến giữa tháng 8) để sinh viên có điều kiện được học lại, học bù hoặc học vượt. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần thực hành và 1 tuần thi. Trước mỗi kỳ thi chính, Học viện sẽ có 1 tuần để gặp gỡ, cố vấn và định hướng cho sinh viên học tập.

Trong 3 năm đầu tiên, sinh viên học các kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành, các kiến thức chuyên ngành được học trong những năm tiếp theo.

Thời gian tối đa hoàn thành chương trình là 09 năm. Vượt quá thời gian này, sinh viên không được học và/hoặc thi để được công nhận tốt nghiệp.



Sơ đồ 1. Sơ đồ chương trình giảng dạy

7.3. Điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021, quy chế đào tạo và Điều 29 Quyết định 975/QĐ-HVYDHCTVN ngày 11/10/2021 của Học viện. Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ học phần, mô đun, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên;
- Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng-An ninh và hoàn thành các học phần giáo dục thể chất.

VIII. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

8.1. Thời gian đào tạo, khối lượng kiến thức toàn khoá

Thời gian đào tạo: 06 năm

Khối kiến thức toàn khóa: 195 tín chỉ

8.2. Cấu trúc chương trình dạy học

Khối lượng kiến thức toàn khóa: Tổng số tín chỉ phải tích lũy 195 tín chỉ

Bảng 5. Khối lượng kiến thức toàn khóa

STT	Khối lượng học tập	Số tín chỉ	
		Bắt buộc	Tự chọn
1	Kiến thức giáo dục đại cương (chưa tính phần nội dung Giáo dục thể chất 4 tín chỉ và Giáo dục quốc phòng và Y học quân sự 7 tín chỉ).	14	8
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp trong đó:		
	- Khối kiến thức cơ sở của khối ngành	16	
	- Khối kiến thức cơ sở của ngành	35	
	- Khối kiến thức ngành	100	14
	Học phần thực tế nghề nghiệp	3	5
Tổng số		168	27

KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC CỤ THỂ:

8.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương 22 TC (Chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và Y học quân sự)

Bảng 6. Kiến thức giáo dục đại cương

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
I.	Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc				
1.	POLI1001	Triết học Mác - Lênin	3	3	0
2.	POLI1002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0
3.	POLI3003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
4.	POLI3004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
5.	POLI4005	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2	0
6.	INTE1001	Tin học đại cương	2	0,5	1,5
7.	SOC4002	Nhà nước và pháp luật	1	1	0
8.	GDTC1001/ GDTC1002/ GDTC2003	Giáo dục thể chất *	4	1	3
9.	GDQP1001	Giáo dục quốc phòng và Y học quân sự *	7	2	5

II.	Kiến thức giáo dục đại cương tự chọn (chọn tiếng Anh hoặc Tiếng Trung)				
10.	ENGL1001	Tiếng Anh 1	3	3	0
11.	ENGL2002	Tiếng Anh 2	3	3	0
12.	ENGL2003	Tiếng Anh 3	2	2	0
13.	CHN1001	Tiếng Trung 1	3	3	0
14.	CHN2002	Tiếng Trung 2	3	3	0
15.	CHN2003	Tiếng Trung 3	2	2	0
Tổng cộng (chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và Y học quân sự)			22	20,5	1,5

8.1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 167 TC

8.1.2.1. Kiến thức cơ sở của khối ngành: 16 TC

Bảng 7. Kiến thức cơ sở của khối ngành

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
1.	SOC5003	Dân số học	1	1	0
2.	BIOL1001	Sinh học và di truyền	3	2,5	0,5
3.	BIOP1001	Lý sinh	3	2,5	0,5
4.	CHEM1001	Hoá học	3	2,5	0,5
5.	INMA3001	Tin học ứng dụng - Xác suất thống kê y học	3	2	1
6.	SOC3001	Tâm lý học - Đạo đức y học - Truyền thông và giáo dục sức khỏe	2	2	0
7.	SOC6004	Phổ biến pháp luật về hành nghề	1	1	0
Tổng cộng			16	13,5	2,5

8.1.2.2. Kiến thức cơ sở ngành: 35 TC

Bảng 8. Kiến thức cơ sở ngành

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
1.	MEDI1001	Giải phẫu 1	3	2	1
2.	MEDI1002	Giải phẫu 2	2	1	1

3.	MEDI1003	Mô phôi	3	2	1
4.	MEDI2008	Sinh lý	3	2,5	0,5
5.	MEDI2007	Hoá sinh	3	2,5	0,5
6.	MEDI2006	Vi sinh	3	2	1
7.	MEDI2009	Ký sinh trùng	3	2	1
8.	MEDI2004	Giải phẫu bệnh	2	1,5	0,5
9.	MEDI2005	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3	2,5	0,5
10.	MEDI3010	Dược lý	4	3	1
11.	MEDI5013	Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm	1	1	0
12.	MEDI4012	Sức khoẻ môi trường và Sức khoẻ nghề nghiệp	1	1	0
13.	MEDI3011	Dịch tễ học	2	2	0
14.	NUR1001	Điều dưỡng cơ bản	2	1	1
Tổng cộng			35	26	9

8.1.2.3. Kiến thức ngành : 114 TC

Bảng 9. Kiến thức ngành

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
I.	Học phần bắt buộc				
1.	MEDI3103	Nội cơ sở YHHĐ	5	3	2
2.	MEDI3104	Ngoại cơ sở YHHĐ	4	2	2
3.	MEDI4105	Nội bệnh lý YHHĐ	5	3	2
4.	TRAD5112	Nội khoa YHCT 1	5	3	2
5.	TRAD6113	Nội khoa YHCT 2	5	3	2
6.	MEDI4106	Ngoại bệnh lý YHHĐ	4	2	2
7.	TRAD6114	Ngoại khoa YHCT	3	2	1
8.	MEDI4107	Phụ sản YHHĐ	3	2	1
9.	TRAD6115	Phụ sản YHCT	3	2	1
10.	MEDI4108	Nhi khoa YHHĐ	3	2	1
11.	TRAD6116	Nhi khoa YHCT	2	1	1

12.	TRAD6117	Lão khoa YHCT	3	2	1
13.	MEDI2101	Tiền lâm sàng YHHĐ	2	0	2
14.	MEDI2102	Chẩn đoán hình ảnh	2	1	1
15.	MEDI5112	Truyền nhiễm YHHĐ + YHCT	4	2	2
16.	MEDI5113	Phục hồi chức năng	3	2	1
17.	MEDI5111	Thần kinh	3	1	2
18.	MEDI5110	Hồi sức cấp cứu	3	2	1
19.	MEDI4109	Nghiên cứu khoa học	2	2	0
20.	MEDI6122	Y học gia đình	2	2	0
21.	MEDI6123	Chương trình y tế quốc gia – Tổ chức và quản lý y tế	2	2	0
22.	TRAD5111	Thực tập cộng đồng	2	0,5	1,5
23.	TRAD2101	Lý luận cơ bản YHCT (Y lý 1)	3	3	0
24.	TRAD2102	Thực vật dược	2	1,5	0,5
25.	TRAD3105	Chẩn đoán học YHCT (Y lý 2)	4	2,5	1,5
26.	TRAD3103	Thuốc YHCT	4	3	1
27.	TRAD3104	Bào chế thuốc YHCT	2	1,5	0,5
28.	TRAD4108	Châm cứu 1	3	2	1
29.	TRAD4110	Châm cứu 2	3	2	1
30.	TRAD4109	Phương pháp điều trị không dùng thuốc	3	2	1
31.	TRAD4106	Phương tể 1	3	3	0
32.	TRAD4107	Phương tể 2	3	3	0
II.	Học phần tự chọn				
II.1	Tự chọn 1 (chọn 6 trong 8 học phần)				
33.	MEDI5114	Răng hàm mặt	2	1	1
34.	MEDI5115	Tai mũi họng	2	1	1
35.	MEDI5116	Mắt	2	1	1
36.	MEDI5117	Ung thư	2	1	1
37.	MEDI5118	Tâm thần	2	1	1
38.	MEDI5119	Lao	2	1	1

39.	MEDI5120	Da liễu	2	1	1
40.	MEDI5121	Dị ứng và Miễn dịch lâm sàng	2	1	1
II.2	<i>Tự chọn 2</i> (chọn 1 trong 2 học phần)				
41.	TRAD6118	Tác phẩm kinh điển YHCT Việt Nam	2	2	0
42.	TRAD6119	Tác phẩm kinh điển YHCT Trung Quốc	2	2	0
Tổng số			114	73	41

8.1.2.4. Thực tế nghề nghiệp, chuyên môn tổng hợp

Bảng 10. Thực tế nghề nghiệp, chuyên môn tổng hợp

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
1	TRAD6120	Chuyên môn tổng hợp/Khoá luận tốt nghiệp	3	3	0
2		Thực tế nghề nghiệp (chọn 1 trong 4 học phần)	5	0	5
	TRAD6121	Nội khoa YHCT (TTNN)	5	0	5
	TRAD6122	Ngoại khoa YHCT (TTNN)	5	0	5
	TRAD6123	Phụ sản YHCT (TTNN)	5	0	5
	TRAD6124	Nhi khoa YHCT (TTNN)	5	0	5
Tổng số			8	3	5

Ghi chú:

- Sinh viên chỉ được chọn Khoá luận tốt nghiệp khi đủ điều kiện làm khoá luận tốt nghiệp theo quy định và có đơn xin làm khoá luận.

- YHHĐ: Y học hiện đại; YHCT: Y học cổ truyền; TTNN: Thực tế nghề nghiệp.

8.3. Kế hoạch đào tạo theo năm học

8.3.1. Năm thứ nhất

TT	Mã học phần	Tên học phần/môn học/module	Số TC			Bộ môn đảm nhận
			TS	LT	TH	
1	POLI1001	Triết học Mác Lênin	3	3	0	Bộ môn Lý luận Chính trị

TT	Mã học phần	Tên học phần/môn học/module	Số TC			Bộ môn đảm nhận
			TS	LT	TH	
2	GDTC1001	Giáo dục thể chất 1	2	1	1	Bộ môn GDTC – GDQP
3	INTE1001	Tin học đại cương	2	0,5	1,5	Bộ môn Toán – Tin
4	ENGL1001/ CHN1001	Tiếng Anh 1/Tiếng Trung 1	3	3	0	Bộ môn Ngoại ngữ
5	MEDI1001	Giải phẫu 1	3	2	1	Bộ môn Giải phẫu
6	POLI1002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	Bộ môn Lý luận Chính trị
7	GDTC1002	Giáo dục thể chất 2	1	0	1	Bộ môn GDTC – GDQP
8	CHEM1001	Hoá học	3	2,5	0,5	Bộ môn Hóa học
9	BIOL1001	Sinh học và di truyền	3	2,5	0,5	Bộ môn Sinh học và di truyền
10	MEDI1002	Giải phẫu 2	2	1	1	Bộ môn Giải phẫu
11	BIOP1001	Lý sinh	3	2,5	0,5	Bộ môn Y vật lý
12	MEDI1003	Mô phôi	3	2	1	Bộ môn Mô học – Phôi thai học
13	GDQP1001	Giáo dục quốc phòng và y học quân sự	7	2	5	Bộ môn GCTC – GDQP
Tổng số			37	24	13	

8.3.2. Năm thứ hai

TT	Mã học phần	Tên học phần/môn học/module	Số TC			Bộ môn đảm nhận
			TS	LT	TH	
1	GDTC2003	Giáo dục thể chất 3	1	0	1	Bộ môn GDTC – GDQP
2	ENGL2002/ CHN2002	Tiếng Anh 2/Tiếng Trung 2	3	3	0	Bộ môn Ngoại ngữ
3	TRAD2101	Lý luận cơ bản YHCT (Y lý 1)	3	3	0	Bộ môn Y lý Y học cổ truyền

TT	Mã học phần	Tên học phần/môn học/module	Số TC			Bộ môn đảm nhận
			TS	LT	TH	
4	MEDI2004	Giải phẫu bệnh	2	1,5	0,5	Bộ môn Giải phẫu bệnh – Pháp y
5	MEDI2005	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	3	2,5	0,5	Bộ môn Sinh lý bệnh – Miễn dịch
6	MEDI2006	Vi sinh	3	2	1	Bộ môn Vi sinh – Ký sinh trùng
7	MEDI2007	Hoá sinh	3	2,5	0,5	Bộ môn Hóa sinh
8	MEDI2008	Sinh lý	3	2,5	0,5	Bộ môn Sinh lý
9	NUR1001	Điều dưỡng cơ bản	2	1	1	Bộ môn Điều dưỡng
10	MEDI2009	Ký sinh trùng	3	2	1	Bộ môn Vi sinh – Ký sinh trùng
11	MEDI2101	Tiền lâm sàng YHHĐ	2	0	2	Bộ môn Nội
12	MEDI2102	Chẩn đoán hình ảnh	2	1	1	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh
13	ENGL2003/ CHN2003	Tiếng Anh 3/Tiếng Trung 3	2	2	0	Bộ môn Ngoại ngữ
14	TRAD2102	Thực vật dược	2	1,5	0,5	Bộ môn Thực vật – Dược liệu
Tổng số			34	24,5	9,5	

8.3.3. Năm thứ ba

TT	Mã học phần	Tên học phần/môn học/module	Số TC			Bộ môn đảm nhận
			TS	LT	TH	
1	MEDI3010	Dược lý	4	3	1	Bộ môn Dược lý
2	MEDI3103	Nội cơ sở YHHĐ	5	3	2	Bộ môn Nội
3	MEDI3104	Ngoại cơ sở YHHĐ	4	2	2	Bộ môn Ngoại
4	TRAD3103	Thuốc YHCT	4	3	1	Bộ môn Dược cổ truyền

TT	Mã học phần	Tên học phần/môn học/module	Số TC			Bộ môn đảm nhận
			TS	LT	TH	
5	TRAD3104	Bào chế thuốc YHCT	2	1,5	0,5	Bộ môn Bào chế - Công nghiệp dược
6	MEDI3011	Dịch tễ học	2	2	0	Bộ môn Y tế công cộng
7	POLI3003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	Bộ môn Lý luận chính trị
8	TRAD3105	Chẩn đoán học YHCT (Y lý 2)	4	2,5	1,5	Bộ môn Y lý Y học cổ truyền
9	INMA3001	Tin học ứng dụng – Xác suất thống kê y học	3	2	1	Bộ môn Toán – Tin
10	SOC3001	Tâm lý y học – Đạo đức y học – Truyền thông và giáo dục sức khỏe	2	2	0	Bộ môn Y tế công cộng
11	POLI3004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	Bộ môn Lý luận Chính trị
Tổng số			34	25	9	

8.3.4. Năm thứ tư

TT	Mã học phần	Tên học phần/môn học/module	Số TC			Bộ môn đảm nhận
			TS	LT	TH	
1	POLI4005	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2	0	Bộ môn Lý luận chính trị
2	MEDI4105	Nội bệnh lý YHHĐ	5	3	2	Bộ môn Nội
3	MEDI4106	Ngoại bệnh lý YHHĐ	4	2	2	Bộ môn Ngoại
4	MEDI4107	Phụ sản YHHĐ	3	2	1	Bộ môn Sản phụ khoa
5	MEDI4108	Nhi khoa YHHĐ	3	2	1	Bộ môn Nhi

TT	Mã học phần	Tên học phần/môn học/module	Số TC			Bộ môn đảm nhận
			TS	L.T	TH	
6	TRAD4106	Phương tể 1	3	3	0	Bộ môn Phương tể
7	TRAD4107	Phương tể 2	3	3	0	Bộ môn Phương tể
8	TRAD4108	Châm cứu 1	3	2	1	Bộ môn Châm cứu
9	TRAD4109	Phương pháp điều trị không dùng thuốc	3	2	1	Bộ môn Khí công dưỡng sinh – Xoa bóp bấm huyệt
10	MEDI4109	Nghiên cứu khoa học	2	2	0	Bộ môn Y tế công cộng
11	MEDI4012	Sức khoẻ môi trường và sức khoẻ nghề nghiệp	1	1	0	Bộ môn Y tế công cộng
12	SOC4002	Nhà nước và pháp luật	1	1	0	Bộ môn Y tế công cộng
13	TRAD4110	Châm cứu 2	3	2	1	Bộ môn Châm cứu
Tổng số			36	27	9	

8.3.5. Năm thứ năm

TT	Mã học phần	Tên học phần/môn học/module	Số TC			Bộ môn đảm nhận
			TS	LT	TH	
1	MEDI5110	Hồi sức cấp cứu	3	2	1	Bộ môn Hồi sức cấp cứu
2	MEDI5111	Thần kinh	3	1	2	Bộ môn Nội
3	MEDI5112	Truyền nhiễm YHHĐ + YHCT	4	2	2	Bộ môn Truyền nhiễm
4	MEDI5113	Phục hồi chức năng	3	2	1	Bộ môn Phục hồi chức năng
5	SOC5003	Dân số học	1	1	0	Bộ môn Y tế công cộng

TT	Mã học phần	Tên học phần/môn học/module	Số TC			Bộ môn đảm nhận
			TS	LT	TH	
6	TRAD5111	Thực tập cộng đồng	2	0,5	1,5	Bộ môn Y tế công cộng
7	TRAD5112	Nội khoa YHCT 1	5	3	2	Bộ môn Nội
8	MEDI5013	Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm	1	1	0	Bộ môn Dinh dưỡng
Học phần/môn học tự chọn: Chọn 6 trong 8 học phần sau						
9	MEDI5114	Răng hàm mặt	2	1	1	Bộ môn Răng hàm mặt
10	MEDI5115	Tai mũi họng	2	1	1	Bộ môn Tai mũi họng
11	MEDI5116	Mắt	2	1	1	Bộ môn Mắt
12	MEDI5117	Ung thư	2	1	1	Bộ môn Ung bướu
13	MEDI5118	Tâm thần	2	1	1	Bộ môn Nội
14	MEDI5119	Lao	2	1	1	Bộ môn Truyền nhiễm
15	MEDI5120	Da liễu	2	1	1	Bộ môn Da liễu
16	MEDI5121	Dị ứng và miễn dịch lâm sàng	2	1	1	Bộ môn Da liễu
Tổng số			34	18,5	15,5	

8.3.6. Năm thứ sáu

TT	Mã học phần	Tên học phần/môn học/module	Số TC			Bộ môn đảm nhận
			TS	LT	TH	
1	MEDI6122	Y học gia đình	2	2	0	Bộ môn Y tế công cộng
2	TRAD6113	Nội khoa YHCT 2	5	3	2	Bộ môn Nội
3	TRAD6114	Ngoại khoa YHCT	3	2	1	Bộ môn Ngoại
4	TRAD6115	Phụ sản YHCT	3	2	1	Bộ môn Sản phụ khoa

TT	Mã học phần	Tên học phần/môn học/module	Số TC			Bộ môn đảm nhận
			TS	LT	TH	
5	TRAD6116	Nhi khoa YHCT	2	1	1	Bộ môn Nhi
6	TRAD6117	Lão khoa YHCT	3	2	1	Bộ môn Lão
7	MEDI6123	Chương trình y tế quốc gia – Tổ chức và quản lý y tế	2	2	0	Bộ môn Y tế công cộng
8	SOC6004	Phổ biến pháp luật về hành nghề	1	1	0	Bộ môn Y tế công cộng
Học phần/môn học tự chọn: Chọn 1 trong 2 học phần sau						
9	TRAD6118	Tác phẩm kinh điển YHCT Việt Nam	2	2	0	Bộ môn Y lý Y học cổ truyền
10	TRAD6119	Tác phẩm kinh điển YHCT Trung Quốc	2	2	0	Bộ môn Y lý Y học cổ truyền
Chuyên môn tổng hợp, Thực tế nghề nghiệp						
11	TRAD6120	Chuyên môn tổng hợp/Khoá luận tốt nghiệp	3	3	0	Khoa Y học lâm sàng
		Thực tế nghề nghiệp (chọn 1 trong 4 học phần)	5	0	5	Khoa Y học lâm sàng
12	TRAD6121	Nội khoa YHCT (TTNN)	5	0	5	Bộ môn Nội
13	TRAD6122	Ngoại khoa YHCT (TTNN)	5	0	5	Bộ môn Ngoại
14	TRAD6123	Phụ sản YHCT (TTNN)	5	0	5	Bộ môn Sản phụ khoa
15	TRAD6124	Nhi khoa YHCT (TTNN)	5	0	5	Bộ môn Nhi
Tổng số			31	20	11	

8.4. Mô tả các học phần

8.4.1. Triết học Mác-Lênin

Triết học Mác - Lênin là môn học trang bị cho người học thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung các môn học khác, nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác - Lênin. Giúp người học có khả năng vận dụng một cách sáng tạo, khoa học, biện chứng triết học Mác - Lênin trong hoạt động nhận thức, hoạt động thực tiễn cũng như trong sự nghiệp đổi mới đất nước và quá trình tu dưỡng bản thân. Đồng thời giúp người học có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu môn tư tưởng Hồ Chí Minh và môn Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam. Từ đó, người học có niềm tin vào chủ nghĩa Mác - Lênin và con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

8.4.2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin

Kinh tế chính trị Mác Lênin cung cấp những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới, gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, kỹ năng, tư duy kinh tế của người học. Học phần giúp người học hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.

8.4.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

CNXHKH là môn học trang bị cho người học những nhận thức chính trị - xã hội và phương pháp luận về quá trình tất yếu lịch sử dẫn đến sự hình thành, phát triển hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa; Giúp người học đề cao cảnh giác và đấu tranh chống lại những nhận thức sai lệch, những tuyên truyền chống phá của thế lực phản động đối với Đảng, Nhà nước và chế độ ta; Từ đó góp phần quan trọng trong việc giáo dục niềm tin khoa học cho nhân dân vào mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam.

8.4.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần TTHCM bao gồm 02 tín chỉ: trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa của việc học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh; những kiến thức cơ bản, cốt lõi về hệ thống

quan điểm TTHCM về con đường cách mạng Việt Nam. Từ đó, nâng cao nhận thức niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc.

8.4.5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn học và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975), trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975- nay). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn và công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

8.4.6. Tiếng Anh 1

Học phần 1 giúp sinh viên hình thành và phát triển năng lực giao tiếp thông qua rèn luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết và các kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp). Các kỹ năng giao tiếp và kiến thức ngôn ngữ được xây dựng trên cơ sở các đơn vị năng lực giao tiếp cụ thể, thông qua các chủ điểm và chủ đề bài học phù hợp với nhu cầu và khả năng của người học, nhằm giúp sinh viên đạt được các yêu cầu năng lực ngoại ngữ Bậc 2, được quy định trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ban hành ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

8.4.7. Tiếng Anh 2

Học phần này giúp sinh viên có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, v.v...; có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó; có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm; có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình. Đồng thời, thông qua học phần ngoại ngữ cơ bản giúp sinh viên xây dựng và phát triển

năng lực tự định hướng học ngoại ngữ của mình để khi kết thúc học phần, sinh viên có kiến thức chung về ngôn ngữ, những thành phần cấu thành ngôn ngữ, năng lực ngôn ngữ cũng như những yếu tố quyết định và tác động đến ngôn ngữ và sử dụng ngôn ngữ, từ đó sinh viên có thể tiếp tục nghiên cứu về ngôn ngữ, và có định hướng trong việc học ngôn ngữ tùy theo mục đích hướng tới của sinh viên trong nghiên cứu và sử dụng ngôn ngữ. Học phần này cũng giúp sinh viên đạt được các yêu cầu năng lực ngoại ngữ Bậc 3, được quy định trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ban hành ngày ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

8.4.8. Tiếng Anh chuyên ngành

Đây là học phần bắt buộc tiếp theo (sau học phần tiếng Anh cơ bản) của chương trình đào tạo tiếng Anh không chuyên dành y học cổ truyền cho sinh viên của Học viện. Học phần này được thực hiện trong 5 tín chỉ, tương đương 75 tiết lên lớp, nhằm cung cấp kiến thức từ vựng và các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh: Nghe, Nói, Đọc, Viết trong môi trường chuyên ngành y dược, đạt mức độ tương đương trung cấp (intermediate).

Học phần Tiếng Anh chuyên ngành y học cổ truyền được xây dựng với 12 bài giảng nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức tiếng Anh học thuật về chuyên ngành y khoa, giúp cho sinh viên có được những kỹ năng ngôn ngữ và vốn từ vựng chuyên ngành cần thiết để có thể vận dụng một cách chính xác vào học tập và các tình huống hàng ngày trong môi trường làm việc, có khả năng đọc hiểu các tài liệu xác thực thuộc chuyên ngành bằng tiếng Anh. Đồng thời, thông qua học phần Tiếng Anh chuyên ngành giúp sinh viên nhận thức tầm quan trọng của việc học và ứng dụng tiếng Anh trong chuyên ngành để chủ động nghiên cứu và nâng cao khả năng tự học tiếng Anh, phục vụ cho công việc chuyên môn.

8.4.9. Tiếng Trung 1

Học phần **Tiếng Trung cơ bản 1** trang bị kiến thức cho sinh viên về các hiện tượng ngữ pháp cơ bản, từ vựng và thực hành nghe, nói, đọc, viết thông qua các chủ đề bài học và các loại hình bài tập phong phú và đa dạng. Học phần giúp sinh viên củng cố, luyện tập, nâng cao và biết sử dụng tiếng Trung có hiệu quả trong các tình huống giao tiếp và về các chủ điểm thông thường trong cuộc sống hàng ngày. Thông qua hoạt động học tập, sinh viên còn được rèn luyện và phát triển các phẩm chất cần thiết như khả năng tự học, tự tìm hiểu kiến thức, biết chia sẻ thông tin với người khác. Ngoài ra, sinh viên

còn được cung cấp những kiến thức về văn hóa của nhiều nước trên thế giới qua các nội dung chủ đề bài học.

8.4.10. Tiếng Trung 2

Học phần **Tiếng Trung cơ bản 2** trang bị kiến thức cho sinh viên về các hiện tượng ngữ pháp cơ bản, từ vựng và thực hành nghe, nói, đọc, viết thông qua các chủ đề bài học và các loại hình bài tập phong phú và đa dạng. Học phần giúp sinh viên củng cố, luyện tập, nâng cao và biết sử dụng tiếng Trung có hiệu quả trong các tình huống giao tiếp và về các chủ điểm thông thường trong cuộc sống hàng ngày. Thông qua hoạt động học tập, sinh viên còn được rèn luyện và phát triển các phẩm chất cần thiết như khả năng tự học, tự tìm hiểu kiến thức, biết chia sẻ thông tin với người khác. Ngoài ra, sinh viên còn được cung cấp những kiến thức về văn hóa của nhiều nước trên thế giới qua các nội dung chủ đề bài học.

8.4.11. Tiếng Trung 3

Học phần 3 môn Tiếng Trung chuyên ngành là học phần bắt buộc của chương trình đào tạo tiếng Trung không chuyên dành cho sinh viên chuyên ngành Y học cổ truyền của Học viện. Học phần cung cấp kiến thức từ vựng, thuật ngữ chuyên ngành, bài khóa chuyên ngành và nội hàm văn hóa của nó. Sau khi học hết học phần này, sinh viên có thể tiến hành tự học, tự nghiên cứu và đọc hiểu các bài thuốc, đơn thuốc có sự hỗ trợ của từ điển và các ứng dụng online.

8.4.12. Tin học đại cương

Học phần tin học đại cương cung cấp cho người học kiến thức, kỹ năng cơ bản về Công nghệ thông tin: Mạng máy tính và Internet, hệ điều hành Windows, bộ Office 2016 gồm: phần mềm soạn thảo văn bản Microsoft Word, phần mềm bảng tính điện tử Microsoft Excel, phần mềm trình chiếu Microsoft Power Point đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành. Học phần giúp người học vận dụng sử dụng tin học trong các hoạt động của cá nhân và tổ chức trong quá trình hành nghề y học.

8.4.13. Nhà nước và pháp luật

Nhà nước và Pháp luật là học phần lý thuyết trong khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 01 TC. Học phần Nhà nước và pháp luật gồm các vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật, tổ chức hoạt động bộ máy nhà nước CHXHCN VN, chức năng và thẩm quyền của các cơ quan nhà nước trong bộ máy Nhà nước Việt Nam. Một số các chế định cơ bản của

pháp luật Việt Nam, qua đó giúp sinh viên tuân thủ các quy định pháp luật và đạo đức nghề nghiệp

8.4.14. Giáo dục thể chất*

Học phần Giáo dục thể chất trang bị kiến thức giáo dục thể chất cơ bản, thể dục nhịp điệu và Taekwondo-cho người học. Nữ học Thể dục nhịp điệu giúp cơ thể phát triển khỏe mạnh, nâng cao trí lực, làm việc hiệu quả bằng bài TDNĐ 12 động tác. Nam học Taekwondo về luật thi đấu, các kỹ thuật cơ bản, kỹ thuật đối luyện, bài quyền số 2 giúp cơ thể tăng sức bền, mạnh mẽ.

8.4.15. Giáo dục quốc phòng và Y học quân sự*

Theo Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đường lối quân sự của Đảng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; chiến tranh nhân dân; phòng, chống chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Trang bị cho sinh viên các kỹ năng quân sự cần thiết: Điều lệnh đội ngũ, bản đồ địa hình quân sự, phân biệt được một số loại vũ khí bộ binh, các tư thế bắn súng và cách đánh mục tiêu...; những kiến thức cơ bản về Y học quân sự phục vụ quân đội khi cần thiết: Tổ chức chiến thuật quân y, nội - ngoại khoa dã chiến, vệ sinh phòng dịch quân đội, tiếp tế quân y, phòng chống vũ khí huỷ diệt lớn, điều trị, xử lý vết thương chiến tranh.

8.4.16. Dân số học

Nghiên cứu học phần “Dân số học” là trang bị cho sinh viên những kiến thức về: Đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa thực tiễn của dân số học, tình hình dân số thế giới và dân số Việt Nam; Quy mô, sự phân bố dân cư và cơ cấu dân số; Các yếu tố biến động dân số: mức sinh, mức chết, di dân và đô thị hóa; Mối liên hệ giữa dân số và phát triển: dân số và kinh tế, dân số và các vấn đề xã hội, dân số và tài nguyên và môi trường; Phương pháp dự báo dân số và chính sách dân số.

8.4.17. Sinh học và di truyền

Học phần Sinh học gồm 3 tín chỉ (2.5 tín chỉ lý thuyết; 0.5 tín chỉ thực hành). Học phần Sinh học chứa đựng nội dung về tế bào, Sinh học phát triển cá thể, nguyên lý sinh thái, hệ thống sinh giới, đột biến NST, đột biến gen, một số kỹ thuật sinh học ứng

dụng trong Y học, di truyền đơn gen, di truyền đa gen đa nhân tố ở người, di truyền nhóm máu, bất thường bẩm sinh và di truyền ung thư và kỹ năng thực hành cơ bản nhất của sinh học ứng dụng trong Y học và chăm sóc sức khỏe.

Học phần giúp người học hiểu, hệ thống hóa các kiến thức về Sinh học và Di truyền để vận dụng vào các hoạt động của cá nhân và tổ chức trong quá trình hành nghề Y.

8.4.18. Lý sinh

Lý Sinh là học phần bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở khối ngành.

Môn học giúp phân tích các quá trình, hiện tượng vật lý cơ bản xảy ra ở cơ thể sống. Các nguyên lý của các ứng dụng kỹ thuật vật lý chính trong chẩn đoán và điều trị. Các tác dụng chính của các yếu tố vật lý lên cơ thể sống phục vụ mục đích bảo vệ môi trường và cơ thể.

Phần Thực hành Lý sinh cung cấp cho sinh viên những kiến thức thực tế về những vấn đề cơ bản của học phần Lý Sinh.

8.4.19. Hóa học

Học phần này có 3 tín chỉ, trong đó có 2,5 tín chỉ lý thuyết và 0,5 tín chỉ thực hành, sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về hoá cương, vô cơ và hóa học hữu cơ; hướng dẫn thực hiện một số thí nghiệm để bổ sung cho lý thuyết và làm quen với một số thao tác trong phòng thí nghiệm nói chung và phòng xét nghiệm nói riêng. Học phần giúp người học hiểu được ứng dụng của một số hợp chất hóa học quan trọng trong đời sống và trong cơ thể con người, và ứng dụng của chúng trong y học.

8.4.20. Tin học ứng dụng - Xác suất thống kê y học

Học phần Tin học ứng dụng-Xác suất thống kê y học là học phần kiến thức cơ sở của khối ngành có 3 tín chỉ gồm 2 tín chỉ lý thuyết và 1 tín chỉ thực hành.

Lý thuyết: Học phần trang bị các khái niệm cơ bản về xác suất thống kê, đặc trưng của thống kê mô tả, mẫu và phân bố mẫu, ước lượng khoảng, kiểm định giả thuyết thống kê, so sánh các mẫu quan sát và bước đầu xử lý số liệu thống kê trong các nghiên cứu về y, dược. Học phần giúp người học tham gia nghiên cứu khoa học, thực hiện các báo cáo, dự trù ...trong lĩnh vực y dược.

Thực hành: Học phần Tin học ứng dụng sẽ cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản về: Tìm kiếm thông tin y tế trực tuyến trên Google, các Website uy tín trong và ngoài nước; Áp dụng phần mềm quản lý trích dẫn tài liệu tham khảo Endnote để giúp tự

động hóa việc trích dẫn, lập danh mục quản lý và chèn tài liệu tham khảo vào đề tài nghiên cứu khoa học, luận văn; Ứng dụng Google Drive, trong đó có Google form để tạo ra mối liên kết dữ liệu từ Excel đến SPSS; Sử dụng phần mềm SPSS nhằm mục đích quản lý, phân tích, xử lý thống kê dữ liệu trong nghiên cứu y sinh học.

8.4.21. Tâm lý Y học - Đạo đức y học - Truyền thông và giáo dục sức khỏe

Học phần Tâm lý y học – Kỹ năng giao tiếp – Truyền thông giáo dục sức khỏe nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của trình độ đào tạo Bác sỹ Y học cổ truyền với thời lượng 2.0 tín chỉ gồm 08 bài giúp sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về tâm lý con người nói chung, tâm lý y học nói riêng. Cùng với những kiến thức cơ bản về truyền thông giáo dục sức khỏe. Để từ đó rèn luyện được những phẩm chất đạo đức, kỹ năng cần có của một người thầy thuốc.

Nội dung gồm các khái niệm và nguyên lý cơ bản về tâm lý người bệnh, về đạo đức con người nói chung và đạo đức y học nói riêng. Bên cạnh đó là những nội dung cơ bản về kỹ năng giao tiếp giữa thầy thuốc và người bệnh. Ngoài ra còn có những khái niệm, bản chất, vị trí, vai trò của truyền thông – giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân. Hành vi sức khỏe; các kỹ năng và các phương pháp, phương tiện truyền thông – giáo dục sức khỏe.

8.4.22. Phổ biến pháp luật và hành nghề

Phổ biến pháp luật về hành nghề nghiên cứu các vấn đề liên quan đến hành nghề khám chữa bệnh, các vấn đề liên quan đến Luật khám chữa bệnh, Luật Bảo hiểm y tế, luật dược, một số các vấn đề liên quan đến hành nghề. Các quyền và nghĩa vụ của người hành nghề, các quy định của Nhà nước về hành nghề khám bệnh chữa bệnh. Học phần giúp người học hiểu để vận dụng được các quy định của pháp luật hiện hành vào cuộc sống và hành nghề y.

8.4.23. Giải phẫu 1

Học phần Giải phẫu 1 trang bị cho sinh viên kiến thức đại cương về giải phẫu hệ xương, hệ cơ, hệ khớp, hệ thần kinh, các giác quan; giúp sinh viên tự mô tả và xác định đúng vị trí, hình thể, liên quan, đặc điểm chức năng của các cơ quan, bộ phận trên cơ thể người bình thường, từ đó làm nền tảng phục vụ cho các môn học cơ sở cũng như Sinh lý học, Mô học – Phôi thai học.

8.4.24. Giải phẫu 2

Học phần Giải phẫu 2 trang bị cho sinh viên kiến thức về giải phẫu hệ Tuần hoàn,

hệ Hô hấp, hệ Tiêu hóa, hệ Tiết niệu và hệ Sinh dục; giúp sinh viên mô tả và xác định được vị trí, hình thể, liên quan, mạch máu nuôi dưỡng và thần kinh chi phối của các cơ quan này trên cơ thể người bình thường, từ đó làm nền tảng phục vụ cho các môn học cơ sở cũng như Sinh lý học, Mô học – Phôi thai học.

8.4.25. Mô phôi

Mô phôi thai học gồm 2 nội dung: mô học và phôi thai học

- Mô học là môn học nghiên cứu về hình thái ở mức độ vi thể và siêu vi thể của tế bào, mô và các cơ quan người bình thường. Nghiên cứu cấu trúc mô học người bình thường là điều kiện để học tốt môn giải phẫu bệnh.

- Phôi thai học: nghiên cứu sự hình thành và phát triển của phôi thai người bình thường và một số dị dạng bẩm sinh thường gặp.

8.4.26. Sinh lý

Sinh lý học là học phần nghiên cứu chức năng sinh lý của các cơ cơ quan trong cơ thể sống con người. Những kiến thức về Sinh lý học trực tiếp phục vụ cho các môn bệnh học và là cơ sở để giải thích và phát hiện các rối loạn chức năng trong tình trạng bệnh lý. Mỗi phương pháp chẩn đoán, điều trị hay phòng bệnh đều phải được đặt trên cơ sở kiến thức sinh lý học.

8.4.27. Hóa sinh

Học phần hóa sinh cung cấp kiến thức cơ bản và có hệ thống về chuyển hóa năng lượng trong cơ thể sống cũng như thực hiện một số xét nghiệm sinh hóa máu và nước tiểu. Trên cơ sở kiến thức đã học, sinh viên phát triển khả năng lập luận, phản biện, đưa ra các xét nghiệm sinh hóa phù hợp phục vụ cho chẩn đoán, điều trị bệnh.

8.4.28. Vi sinh

Học phần vi sinh cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản đại cương về đặc điểm hình thái, cấu trúc, chức năng, sự phát triển, sinh sản của vi sinh vật; mối liên quan giữa vi sinh vật gây bệnh và cơ thể người, khả năng và cơ chế gây bệnh của vi sinh vật, phương thức bảo vệ của cơ thể với vi sinh vật gây bệnh. Đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh của một số vi sinh vật gây bệnh thường gặp; phương pháp chẩn đoán, biện pháp phòng, điều trị một số bệnh nhiễm trùng. Học phần vi sinh cũng trang bị cho sinh viên các kỹ năng cơ bản về xét nghiệm vi sinh lâm sàng: thao tác vô trùng, xác định hình thể vi khuẩn, nhuộm tiêu bản, điều chế môi trường nuôi cấy, kỹ thuật kháng sinh đồ, xét nghiệm phân, máu; giúp sinh viên ý thức được sự nguy hiểm của vi sinh vật gây bệnh

đến sức khỏe cá nhân và cộng đồng.

8.4.29. Ký sinh trùng

Học phần ký sinh trùng trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về đặc điểm sinh học, đặc điểm bệnh học và tác hại của các loại ký sinh trùng thường gặp ở Việt Nam; mối liên quan giữa vấn đề ký sinh trùng và sức khỏe cộng đồng; một số phương pháp chẩn đoán, nguyên tắc điều trị và các biện pháp phòng bệnh ký sinh trùng.

8.4.30. Giải phẫu bệnh

Giải phẫu bệnh là học phần kiến thức cơ sở ngành y gồm 2 tín chỉ, gồm lý thuyết và thực hành. Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về những biến đổi hình thái học, tổn thương, mối quan hệ giữa hình thái và chức năng, giữa con người và môi trường sống trong những biểu hiện lâm sàng của bệnh. Vận dụng kiến thức đã học để hiểu vai trò giải phẫu bệnh trong chẩn đoán một số bệnh lý u, ung thư và là kiến thức tiền đề cho các môn bệnh lý học.

8.4.31. Sinh lý bệnh - Miễn dịch

Sinh lý bệnh - Miễn dịch là môn học giúp cho người học kiến thức cơ bản về những thay đổi chức năng của cơ thể khi bị bệnh, các quá trình bệnh lý điển hình; hệ thống các cơ quan và tế bào tham gia vào đáp ứng miễn dịch; các giai đoạn, các yếu tố tham gia vào sự hình thành đáp ứng miễn dịch của cơ thể; vai trò của hệ thống miễn dịch đặc hiệu và không đặc hiệu trong khả năng đề kháng, phòng chống bệnh tật của cơ thể; những điểm cơ bản về cơ chế rối loạn đáp ứng miễn dịch trong bệnh lý quá mẫn và suy giảm miễn dịch. Sau khi học xong phần này, người học có khả năng vận dụng các kiến thức về sinh lý bệnh để học tập, nghiên cứu các học phần sau: về cơ chế bệnh sinh, bệnh học, từ đó biết vận dụng kiến thức vào việc học tập các môn học khác, biết giải thích các triệu chứng lâm sàng, chăm sóc, theo dõi người bệnh.

8.4.32. Dược lý

Học phần Dược lý trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về dược lý đại cương (dược động học, các cách tác dụng của thuốc, các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc, dị ứng thuốc) và dược lý học (tác dụng, cơ chế tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, tương tác thuốc, liều dùng) của các nhóm thuốc phòng và điều trị bệnh. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn kỹ năng nhận thức thuốc, kê đơn thuốc theo tình huống ca bệnh, phân tích đơn thuốc và thí nghiệm tác dụng của một số thuốc trên động vật. Từ đó, người học có thể vận dụng các kiến thức đã học trong việc kê đơn điều trị bệnh, thông tin, tư

vấn, hướng dẫn sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả.

8.4.33. Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm

Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm là môn học cung cấp những kiến thức dinh dưỡng cơ bản, dinh dưỡng cộng đồng, dinh dưỡng lâm sàng, dinh dưỡng tế bào.... từ đó giúp sinh viên hiểu được tầm quan trọng của dinh dưỡng đối với sức khỏe; nghiên cứu và lập ra những kế hoạch để can thiệp đối với những người đã và đang gặp các vấn đề về dinh dưỡng. Từ đó đưa ra giải pháp hiệu quả để khắc phục tình trạng mất cân bằng dinh dưỡng ở người bệnh, xây dựng nên chế độ ăn uống hợp lý, lành mạnh để đảm bảo sức khỏe tốt cho người bệnh.

8.4.34. Sức khỏe môi trường và Sức khỏe nghề nghiệp

Học phần Sức khỏe môi trường và Sức khỏe nghề nghiệp cung cấp các kiến thức cơ bản về Sức khỏe môi trường bao gồm: (1) môi trường, (2) tài nguyên thiên nhiên và (3) các nguyên lý cơ bản về hệ sinh thái. Bên cạnh đó, sinh viên có thể vận dụng các vấn đề về môi trường và tài nguyên thiên nhiên (bao gồm hiện trạng sử dụng, các vấn đề về suy thoái tài nguyên môi trường và biện pháp quản lý) vào lĩnh vực quản lý và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường. Đồng thời cung cấp kiến thức về Sức khỏe nghề nghiệp bao gồm: các kiến thức cơ bản về: (1) sức khỏe nghề nghiệp trong chiến lược chăm sóc sức khỏe người lao động (2) ô nhiễm trong môi trường lao động và (3) hệ thống văn bản liên quan đến công tác chăm sóc sức khỏe người lao động. Bên cạnh đó, sinh viên có được các kiến thức cơ bản về vệ sinh trong môi trường lao động và vận dụng vào công tác giám sát môi trường lao động và tình trạng sức khỏe của công nhân.

8.4.35. Dịch tễ học

Nội dung gồm các khái niệm và nguyên lý cơ bản của dịch tễ học; các chỉ số sức khỏe chủ yếu của cộng đồng; cách xác định yếu tố nguy cơ phát triển của bệnh; các thiết kế nghiên cứu dịch tễ học; các sai số và không chế sai số trong nghiên cứu dịch tễ học.

8.4.36. Điều dưỡng cơ bản

Học phần Điều dưỡng cơ bản là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo Bác sĩ Y khoa. Đây là một trong những học phần kỹ năng thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiền lâm sàng cơ bản về thực hành các kỹ năng điều dưỡng trên các vật liệu học tập tại phòng thực hành đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho người bệnh. Học phần lý thuyết cung cấp các nội dung cơ bản liên

quan đến cơ sở lý thuyết của các kỹ năng điều dưỡng cơ bản, các trường hợp áp dụng, không áp dụng, các tai biến xảy ra trong và sau khi làm thủ thuật, cách xử trí các tai biến; nguyên tắc cơ bản và xử trí các tình huống sơ cứu thông thường mà một nhân viên y tế phải làm. Đồng thời giúp sinh viên có kiến thức và kỹ năng để học tiếp các môn như: Nội khoa, ngoại khoa, sản phụ khoa, nhi khoa... Học phần thực hành rèn luyện cho sinh viên thực hành các kỹ năng điều dưỡng cơ bản đúng quy trình dựa theo bảng kiểm học tập. Lượng giá kỹ năng bằng hình thức thi chạy trạm rèn luyện cho sinh viên kỹ năng cơ bản để tự tin thực hành trên người bệnh trong các học phần lâm sàng tiếp theo.

8.4.37. Nội cơ sở Y học hiện đại

Nội dung gồm kiến thức về triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, các hội chứng lâm sàng nội khoa tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, cơ xương khớp, thận tiết niệu, nội tiết và huyết học. Kỹ năng thăm khám lâm sàng nội khoa toàn thân và các hệ cơ quan; Ở thời điểm kết thúc học phần, sinh viên có khả năng khai thác bệnh sử, tiền sử, khám lâm sàng nội khoa toàn thân và các hệ cơ quan; phát hiện các triệu chứng lâm sàng của một số bệnh lý nội khoa thường gặp trên lâm sàng ở mức độ thực hiện có giám sát, làm tiền đề cho việc chẩn đoán một số bệnh lý nội khoa thường gặp ở các vòng sau.

8.4.38. Ngoại cơ sở Y học hiện đại

Học phần NGOẠI CƠ SỞ YHHD cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về thăm khám, nhận biết triệu chứng, hội chứng của các bệnh ngoại khoa thường gặp. Sinh viên sẽ được trang bị kiến thức nền tảng về vô khuẩn, tiệt khuẩn trong ngoại khoa, cũng như nguyên tắc sơ cứu ban đầu đối với một số cấp cứu ngoại khoa phổ biến.

Trong quá trình học, sinh viên sẽ được rèn luyện kỹ năng khai thác bệnh sử, tiền sử, thăm khám và phát hiện các triệu chứng, hội chứng lâm sàng và cận lâm sàng của các bệnh thuộc hệ tiêu hóa, lồng ngực, mạch máu, cũng như nhiễm khuẩn trong ngoại khoa. Ngoài ra, học phần cũng giúp sinh viên nhận diện triệu chứng và hội chứng của các bệnh ngoại thần kinh, chấn thương chỉnh hình và ngoại niệu thường gặp.

Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được thực hành sơ cứu ban đầu trong cấp cứu ngoại khoa, áp dụng phương pháp luận khoa học trong công tác chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh và nghiên cứu khoa học.

8.4.39. Nội bệnh lý Y học hiện đại

Học phần Nội bệnh lý Y học hiện đại là học phần bắt buộc trong chương trình

đào tạo bác sĩ YHCT. Đây là một trong những học phần thuộc nhóm kiến thức ngành, cung cấp cho sinh viên kiến thức lâm sàng cơ bản về chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý nội khoa thông thường.

Điều kiện tiên quyết: Nội cơ sở, sinh lý bệnh - miễn dịch, giải phẫu bệnh, vi sinh, ký sinh trùng, dược lý. Nội dung kiến thức lý thuyết gồm cơ chế gây bệnh, nguyên nhân gây bệnh, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán, nguyên tắc điều trị và phác đồ điều trị cơ bản các bệnh lý nội khoa thông thường. Nội dung thực hành lâm sàng là rèn luyện kỹ năng thăm khám phát hiện bệnh lý, kỹ năng biện luận chẩn đoán và đề xuất phác đồ điều trị các bệnh lý nội khoa thông thường. Ở thời điểm kết thúc học phần, sinh viên có khả năng thăm khám lâm sàng nội khoa, đề xuất chỉ định cận lâm sàng, nhận định được kết quả, lập luận chẩn đoán và xây dựng kế hoạch điều trị cơ bản các bệnh nội khoa thường gặp.

8.4.40. Nội khoa Y học cổ truyền 1

Xu thế điều trị các bệnh lý hiện nay thường phối hợp điều trị YHHĐ và các liệu pháp YHCT để gia tăng kết quả điều trị đồng thời giảm bớt tác dụng phụ của thuốc. Môn học Nội khoa Y học cổ truyền 1 sẽ hướng dẫn học viên cách thức khám, chẩn đoán và điều trị các bệnh Nội khoa thông thường bằng các liệu pháp YHCT kết hợp với YHHĐ. Môn học này sẽ cung cấp kiến thức nội khoa YHCT và cập nhật các kiến thức mới nhất của YHHĐ về các chứng bệnh Nội khoa thường gặp. Do đó đây là một môn học hết sức quan trọng trong quá trình đào tạo bác sĩ chuyên khoa YHCT hiện nay.

8.4.41. Nội khoa Y học cổ truyền 2

Xu thế điều trị các bệnh lý hiện nay thường phối hợp điều trị YHHĐ và các liệu pháp YHCT để gia tăng kết quả điều trị đồng thời giảm bớt tác dụng phụ của thuốc. Môn học Nội khoa Y học cổ truyền 2 sẽ hướng dẫn học viên cách thức khám, chẩn đoán và điều trị các bệnh Nội khoa chuyên ngành bằng các liệu pháp YHCT kết hợp với YHHĐ. Môn học này sẽ cung cấp kiến thức nội khoa YHCT và cập nhật các kiến thức mới nhất của YHHĐ về các chứng bệnh Nội khoa chuyên ngành. Do đó đây là một môn học hết sức quan trọng trong quá trình đào tạo bác sĩ chuyên khoa YHCT hiện nay.

8.4.42. Ngoại bệnh lý Y học hiện đại

Môn học Ngoại bệnh lý dành cho sinh viên YHCT cung cấp cho người học các kiến thức, kỹ năng về Y học hiện đại: Đặc điểm dịch tễ, sinh - bệnh lý, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng để chẩn đoán, điều trị và dự phòng một số bệnh thường gặp

trong cộng đồng, đồng thời có khả năng dựa vào các kiến thức cơ bản về giải phẫu, giải phẫu bệnh, sinh lý bệnh để phân tích các triệu chứng lâm sàng, chẩn đoán và đưa ra được chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán, xử trí các bệnh ngoại khoa thông thường. Làm việc độc lập và làm việc nhóm. Tự đánh giá được công việc của bản thân và của nhóm, thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh một số bệnh lý ngoại khoa.

8.4.43. Ngoại khoa Y học cổ truyền

Giúp sinh viên có kiến thức tổng hợp, phân tích và vận dụng các kiến thức của YHCT và YHHĐ trong việc học tập và nghiên cứu về cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, các phương pháp điều trị các bệnh lý ngoại khoa theo YHHĐ, đồng thời nghiêm cứu nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán và pháp phương điều trị các mặt bệnh ngoại khoa theo YHCT kết hợp YHHĐ. Từ đó giúp sinh viên có kỹ năng khám, chẩn đoán, đưa ra pháp phương điều trị các bệnh lý ngoại khoa theo YHCT kết hợp YHHĐ.

8.4.44. Phụ sản Y học hiện đại

Phụ khoa YHHĐ là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo Bác sĩ chuyên ngành Y học cổ truyền trình độ đại học. Nội dung học phần cung cấp cho người học gồm những nét cơ bản của môn Phụ sản, tập trung vào các vấn đề của sản thường (đặc điểm sinh lý, bệnh lý, điều trị và phòng bệnh các giai đoạn trước sinh, trong sinh và sau sinh), một số đặc điểm sinh lý, triệu chứng và điều trị bệnh sản - phụ khoa thường gặp, và các kiến thức về kế hoạch hóa gia đình.

8.4.45. Phụ sản Y học cổ truyền

Môn học Phụ sản YHCT cung cấp cho người học các kiến thức, kỹ năng y khoa về lĩnh vực sản phụ khoa Y học cổ truyền kết hợp Y học hiện đại. Sau khi học xong học phần, người học nắm được đặc điểm sinh bệnh học, nguyên nhân, cơ chế, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị và dự phòng một số bệnh lý sản phụ khoa thường gặp; đồng thời cũng rèn luyện cho sinh viên kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng nhận xét, đánh giá.

8.4.46. Nhi khoa Y học hiện đại

Học phần Nhi khoa Y học hiện đại là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo bác sĩ chuyên ngành Y học cổ truyền trình độ đại học. Nội dung chính của học phần

gồm những vấn đề về đặc điểm các hệ cơ quan trẻ em, sự phát triển thể chất, tinh thần và vận động trẻ em qua các thời kỳ. Các kiến thức cơ bản về bệnh lý thường gặp trẻ em: Dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và các nguyên tắc xử trí bệnh. Chẩn đoán và xử trí các bệnh, các cấp cứu nội khoa thường gặp ở trẻ em bằng phương pháp Y học hiện đại.

8.4.47. Nhi khoa Y học cổ truyền

Môn học Nhi khoa YHCT cung cấp cho người học các kiến thức, kỹ năng về Y học cổ truyền kết hợp Y học hiện đại : Đặc điểm sinh - bệnh lý, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng để chẩn đoán, điều trị và dự phòng một số bệnh thường gặp ở trẻ em. Đồng thời cũng rèn luyện cho sinh viên kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng nhận xét, đánh giá.

8.4.48. Lão khoa Y học cổ truyền

Môn học Lão khoa YHCT cung cấp cho người học các kiến thức, kỹ năng về Y học cổ truyền kết hợp Y học hiện đại : Đặc điểm sinh - bệnh lý, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng để chẩn đoán, điều trị và dự phòng một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi. Đồng thời cũng rèn luyện cho sinh viên kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng nhận xét, đánh giá.

8.4.49. Tiền lâm sàng YHHD

Học phần gồm những kiến thức cơ bản về khai thác bệnh sử, tiền sử, khám toàn thân và các hệ cơ quan: Hô hấp, tim mạch, tiêu hóa, Thần kinh, cơ - xương khớp, tiết niệu, nội tiết. Trong quá trình học sinh viên được chia nhóm nhỏ, học và thực hành bằng các phương pháp đóng vai, trình diễn, thực tập trên mô hình, bệnh nhân giả, video... trước khi sinh viên đi bệnh viện. Mục tiêu là để sinh viên có được kỹ năng hỏi bệnh và thăm khám cơ bản trước khi thực tập trên người bệnh.

8.4.50. Chẩn đoán hình ảnh

Học phần này đề cập đến những kiến thức cơ bản về các phương pháp chẩn đoán, đặc điểm hình ảnh bệnh lý của các cơ quan thuộc bộ máy tim mạch-lồng ngực, hô hấp, cơ xương khớp, ống tiêu hóa, tiết niệu trên các phương tiện chẩn đoán hình ảnh

Kỳ vọng sinh viên trong quá trình học sẽ tiếp thu được kiến thức cơ bản về chẩn đoán hình ảnh để áp dụng trong chuyên ngành y cổ truyền.

8.4.51. Truyền nhiễm YHHD + YHCT

Môn học Truyền nhiễm YHHD kết hợp YHCT cung cấp cho người học các kiến

thức, kỹ năng về truyền nhiễm y học hiện đại kết hợp y học cổ truyền: Dịch tễ học, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán, nguyên tắc điều trị, nguyên tắc dự phòng để chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, dự phòng một số bệnh truyền nhiễm thường gặp. Đồng thời cũng rèn luyện cho sinh viên kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng nhận xét, đánh giá.

8.4.52. Phục hồi chức năng

Phục hồi chức năng là các biện pháp y học, xã hội, hướng nghiệp, giáo dục làm hạn chế tối đa giảm chức năng, tạo cho người khuyết tật có cơ hội tham gia các hoạt động để hội nhập, tái hội nhập xã hội, có cơ hội bình đẳng trong cộng đồng xã hội.

Sinh viên được học, thực hành, đưa ra phương pháp PHCN phù hợp cho các mặt bệnh thường gặp trên từng bệnh nhân cụ thể giúp sinh viên có kiến thức PHCN cơ bản sau khi tốt nghiệp, có thể tự tin với các kiến thức cơ bản về chuyên ngành đã được bộ môn trang bị để tham gia công tác khám chữa bệnh tại cơ sở làm việc.

8.4.53. Thần kinh

Có vị trí, vai trò quan trọng để hình thành phẩm chất, năng lực của người bác sĩ. Nội dung bao gồm các kiến thức, kỹ năng khám và phát hiện một số triệu chứng thần kinh thường gặp: khám vận động, cảm giác, phản xạ, phối hợp vận động thăng bằng, 12 đôi dây thần kinh sọ não, dấu hiệu (tăng áp lực nội sọ, Kernig, Babinsky, Romberg...). Chẩn đoán và nguyên tắc xử trí một số hội chứng và bệnh thần kinh thường gặp: hội chứng liệt nửa người, hội chứng liệt hai chân, hội chứng thất lưng hông, liệt mặt, tai biến mạch máu não, ... Môn nội thần kinh liên quan đến kiến thức môn nội bệnh lý, ngoại bệnh lý. Để học tốt môn này người học cần phải có kiến thức về giải phẫu và sinh lý thần kinh người.

Do sự phát triển của khoa học- kỹ thuật đã có nhiều phương pháp hỗ trợ tốt chẩn đoán bệnh thần kinh: chụp (cộng hưởng từ hạt nhân, cắt lớp PET, SPECT,...), siêu âm Doppler, điện cơ, điện thế khiêu gợi,... đồng thời đã mở ra nhiều phương pháp nghiên cứu mới như dùng tế bào gốc, dược phẩm mới,... Có nhiều công trình nghiên cứu sâu để chữa các bệnh thần kinh khó như: Alzheimer, đái tháo đường, các chứng đau, Parkinson,... đang hứa hẹn triển vọng tốt.

8.4.54. Hồi sức cấp cứu

Sinh viên được cung cấp các kiến thức về nguyên nhân gây bệnh, triệu chứng lâm sàng, các hội chứng cũng như kỹ năng khám và chẩn đoán, xử trí một số vấn đề về

cấp cứu ban đầu thường gặp.

8.4.55. Nghiên cứu khoa học

Học phần nghiên cứu khoa học y học nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của trình độ đào tạo BS ngành YHCT với thời lượng 2 tín chỉ gồm 13 bài bao gồm cả 4 bài đọc thêm giúp học viên thực hiện được các bước y khoa của thiết kế nghiên cứu khoa học y học, xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học và có thể tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở dưới sự hướng dẫn giám sát của thầy cô Học viện.

Nội dung gồm các khái niệm và nguyên lý y khoa và các thiết kế chiến lược nghiên cứu khoa học y học y khoa; cách xây dựng bộ công cụ thu thập thông tin; viết đề cương nghiên cứu khoa học.

8.4.56. Y học gia đình

Mỗi bài trong phần này sẽ tập chung đi sâu vào phân tích từng khía cạnh của Y học gia đình như các nguyên lý trong thực hành y học gia đình, sử dụng một số công cụ trong đánh giá gia đình, quản lý được các bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng cũng như khám sàng lọc và tư vấn cho bệnh nhân ngoại trú và đặc biệt biết cách chăm sóc sức khỏe theo vòng đời dựa vào các nguyên lý y học gia đình để sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng vận dụng được các khái niệm, nguyên lý, công cụ đánh giá gia đình, quản lý bệnh mạn tính và chăm sóc sức khỏe cho người dân.

8.4.57. Chương trình y tế quốc gia - Tổ chức quản lý y tế

Học phần Tổ chức - quản lý y tế và Chương trình y tế quốc gia gồm 2 phần nội dung cơ bản: Tổ chức - quản lý y tế, Chương trình y tế quốc gia và Dân số: Phần Tổ chức và quản lý y tế mô tả về tổ chức, nhiệm vụ của hệ thống y tế Việt Nam và chu trình quản lý y tế cơ bản. Phần Chương trình y tế quốc gia cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình y tế quốc gia tại các tuyến y tế đặc biệt là ở tuyến y tế cơ sở. Sinh viên sẽ được học lý thuyết tại giảng đường. Các kỹ năng thực hành được rèn luyện tại và giảng đường.

8.4.58. Thực tập cộng đồng

Thời gian thực hiện tại trạm y tế xã và cộng đồng dân cư để giúp sinh viên thực hành kỹ năng xác định vấn đề sức khỏe, lập và thực hiện kế hoạch tuyên truyền giáo dục, chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng.

Nội dung: Làm quen về tổ chức và điều kiện sống của cộng đồng; tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng bằng cách thu thập thông tin qua điều tra, phỏng

vấn, thăm hộ gia đình; phân tích, giải thích kết quả, tìm ra vấn đề sức khỏe cộng đồng; thực hành giáo dục sức khỏe; chăm sóc và điều trị một số bệnh thông thường, sơ cấp cứu ban đầu. Kết thúc đợt thực tập viết báo cáo về lập kế hoạch can thiệp một vấn đề sức khỏe ưu tiên tại cộng đồng.

8.4.59. Lý luận Y học cổ truyền (Y lý I)

Học phần Lý luận cơ bản 1 là học phần bắt buộc được giảng dạy vào năm thứ 2 của chương trình đào tạo ngành YHCT trình độ đại học. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về nội dung và ứng dụng của các học thuyết cơ bản trong hệ thống lý luận YHCT như Học thuyết Âm dương, Học thuyết Ngũ hành, Học thuyết Thiên nhân hợp nhất, Học thuyết kinh lạc, Học thuyết tạng phủ và các nguyên nhân gây bệnh. Qua đó làm cơ sở lý luận cho chẩn đoán và điều trị trong YHCT.

8.4.60. Thực vật dược

Học phần Thực vật dược dành cho đối tượng Bác sỹ YHCT trình độ đại học cung cấp cho người học các nội dung về Nguyên tắc đọc và viết tiếng Latin; Tài nguyên cây thuốc; Trồng trọt – Thu hái – Làm khô – Bảo quản – Đánh giá chất lượng dược liệu; Các hoạt chất cơ bản trong dược liệu có tác dụng sinh học; Cây độc và tác dụng không mong muốn của thuốc cổ truyền. Học phần cũng bổ sung cho người học các kiến thức và kỹ năng về soi bột, vi phẫu, kiểm nghiệm các thành phần hóa học có tác dụng sinh học trong dược liệu. Đồng thời cũng rèn luyện cho sinh viên kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng nhận xét, đánh giá.

8.4.61. Chẩn đoán học Y học cổ truyền (Y lý II)

Học phần Chẩn đoán học Y học Cổ truyền là học phần bắt buộc được giảng dạy vào năm thứ 3 của chương trình đào tạo ngành YHCT trình độ đại học. Chẩn đoán Y học Cổ truyền (Y lý 2) cung cấp các kiến thức cơ bản về phương pháp khám, chẩn đoán và đưa ra các nguyên tắc và pháp điều trị theo YHCT từ đó giúp sinh viên vận dụng trong công tác khám, chẩn đoán và bước đầu đưa ra các nguyên tắc, các pháp chữa bệnh cũng như phòng bệnh bằng YHCT.

8.4.62. Thuốc Y học cổ truyền

Học phần Thuốc y học cổ truyền trang bị cho người học kiến thức về đại cương thuốc y học cổ truyền; bộ phận dùng, tính vị, quy kinh, công năng, chủ trị, kiêng kỵ, các phương pháp chế biến thuốc cổ truyền. Từ đó người học có thể tự học, phát triển nghề nghiệp về y học cổ truyền hiệu quả.

8.4.63. Bào chế thuốc YHCT

Bào chế đông dược là sử dụng chế hoá cơ học, chế hoá lý hoá hoặc sinh tổng hợp nhằm thay đổi hình dạng, lý tính, dược tính của các nguyên liệu có nguồn gốc tự nhiên từ động vật, thực vật hoặc khoáng vật để đáp ứng yêu cầu của quá trình sản xuất, bảo quản, kinh doanh, nâng cao hiệu quả phòng bệnh, điều trị bệnh và nâng cao thể trạng con người.

Học phần Bào chế Đông dược cung cấp những kiến thức cơ bản về nguyên lý bào chế đông dược, các mục đích cần đạt được sau khi bào chế và các phương pháp cơ bản trong bào chế. Dựa trên nền tảng đó sẽ đưa ra cách ứng dụng để bào chế từng vị thuốc cụ thể trong mỗi nhóm thuốc. Các vị thuốc sau khi bào chế đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ được ứng dụng bào chế ra các dạng thuốc như: thuốc thang, cồn thuốc, rượu thuốc, thuốc viên hoàn...

Học phần Bào chế Đông dược cung cấp các kiến thức để tạo ra các vị thuốc đạt tiêu chuẩn chất lượng, phù hợp với từng mục đích điều trị cụ thể, nhằm nâng cao chất lượng điều trị cho bệnh nhân, giúp cho các thầy thuốc hiểu rõ phương pháp bào chế và sử dụng thuốc một cách an toàn và hiệu quả.

8.4.64. Châm cứu 1

Học phần châm cứu 1 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo bác sĩ Y học cổ truyền. Đây là một trong những học phần thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành bắt buộc, cung cấp cho sinh viên những kiến thức đại cương về đường kinh huyết vị và cách thức thực hiện các kỹ thuật châm cứu cơ bản.

Học phần lý thuyết cung cấp các nội dung cơ bản liên quan đến lịch sử ngành châm cứu Việt Nam và Thế giới, vai trò của châm cứu trong nền y học, cơ chế tác dụng của châm cứu. Giới thiệu các đường kinh huyết vị trên cơ thể, kỹ thuật thực hiện các thủ thuật châm cứu cơ bản, các tai biến có thể xảy ra và cách phòng tránh, xử trí tai biến.

Học phần lâm sàng rèn luyện cho sinh viên cách thức xác định đường kinh, huyết vị trên thực thể lâm sàng, cách thức thực hiện các kỹ thuật châm cứu theo đúng quy trình và quy định của Bộ Y tế. Lượng giá kỹ năng bằng hình thức thi vấn đáp lâm sàng rèn luyện cho sinh viên kỹ năng cơ bản để tự tin thực hành các kỹ thuật châm cứu trên thực thể lâm sàng, trên người bệnh trong các học phần tiếp theo.

8.4.65. Phương pháp điều trị không dùng thuốc

Như nhiều dân tộc khác ở trên thế giới, nước ta cũng sớm có môn dưỡng sinh và

xoa bóp cổ truyền. Đó là kết tinh những kinh nghiệm của dân tộc ta và những kinh nghiệm giao lưu với nước ngoài đã được dân tộc ta vận dụng có kết quả và tổng kết lại.

Xoa bóp dân tộc là một phương pháp phòng bệnh và chữa bệnh với sự chỉ đạo của lý luận y học cổ truyền. Đặc điểm của nó là dùng bàn tay, ngón tay là chính để tác động lên huyết da thịt gân khớp của người bệnh, nhằm đạt tới mục đích phòng bệnh và chữa bệnh. Ưu điểm là đơn giản, dễ phổ biến, có phạm vi chữa bệnh rộng, có giá trị phòng bệnh lớn.

Phương pháp dưỡng sinh là một phương pháp tự lực cánh sinh, tự mình tập luyện cho mình nhằm 4 mục đích:

- Bồi dưỡng sức khỏe.
- Phòng bệnh.
- Trị bệnh mạn tính.
- Tiến tới sống lâu, sống khỏe và sống có ích.

8.4.66. Phương tế 1

Phương tế học là một chuyên ngành của y học cổ truyền, nghiên cứu về các bài thuốc và cách phối hợp các vị thuốc để điều trị bệnh. Phương tế học bao gồm các cách lập phương dựa trên biện chứng luận trị, căn cứ theo công năng chủ trị của bài thuốc có thể gia giảm cho phù hợp với chứng trạng của từng người bệnh. Phương tế học đóng vai trò quan trọng giúp các thầy thuốc lựa chọn và điều chỉnh các bài thuốc phù hợp với bệnh cảnh lâm sàng, tối ưu hóa hiệu quả điều trị và giảm tác dụng phụ. Mỗi bài thuốc cổ phương được hình thành là cả quá trình nghiên cứu về y lý, biện chứng, dược lý được kế thừa và tích lũy trong điều trị thực tiễn trên lâm sàng.

8.4.67. Phương tế 2

Phương tế học là một chuyên ngành của y học cổ truyền, nghiên cứu về các bài thuốc và cách phối hợp các vị thuốc để điều trị bệnh. Phương tế học bao gồm các cách lập phương dựa trên biện chứng luận trị, căn cứ theo công năng chủ trị của bài thuốc có thể gia giảm cho phù hợp với chứng trạng của từng người bệnh. Phương tế học đóng vai trò quan trọng giúp các thầy thuốc lựa chọn và điều chỉnh các bài thuốc phù hợp với bệnh cảnh lâm sàng, tối ưu hóa hiệu quả điều trị và giảm tác dụng phụ. Mỗi bài thuốc cổ phương được hình thành là cả quá trình nghiên cứu về y lý, biện chứng, dược lý được kế thừa và tích lũy trong điều trị thực tiễn trên lâm sàng.

8.4.68. Châm cứu 2

Học phần châm cứu 2 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo bác sĩ Y học cổ truyền. Đây là một trong những học phần thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành bắt buộc, cung cấp cho sinh viên những kiến thức về chọn và phối hợp huyệt, sử dụng phương huyệt để điều trị một số mặt bệnh hay gặp trên thực tế lâm sàng.

Học phần lý thuyết cung cấp các nội dung liên quan đến phương pháp chọn và phối hợp huyệt theo vị trí bệnh, nguyên nhân bệnh, triệu chứng bệnh, theo Nguyên - Lạc, Du – Mộ, Bát hội huyệt, Lục tổng huyệt, Ngũ du huyệt. Kê được đơn huyệt chữa 1 chứng bệnh cụ thể. Cung cấp cho sinh viên triệu chứng, cách chẩn đoán và điều trị bằng châm cứu các mặt bệnh thường gặp trên thực tế lâm sàng.

Học phần lâm sàng rèn luyện cho sinh viên cách thức xây dựng công thức huyệt châm cứu theo đúng quy trình và quy định của Bộ Y tế. Lượng giá kỹ năng bằng hình thức thi vấn đáp lâm sàng rèn luyện cho sinh viên kỹ năng cơ bản để tự tin thực hành các kỹ thuật châm cứu trên thực tế lâm sàng, trên người bệnh trong các học phần tiếp theo.

8.4.69. Răng hàm mặt

Môn học Răng hàm mặt bao gồm các bài giảng về một số bệnh thường gặp trong nha khoa. Các vấn đề quan trọng được giảng dạy bao gồm giải phẫu và sinh lý răng miệng, cách chẩn đoán, điều trị các bệnh răng miệng hay gặp, mối liên quan giữa bệnh RHM với các bệnh toàn thân và các chấn thương hàm mặt thường gặp.

Sinh viên được hướng dẫn và thực hành các kỹ năng cơ bản về khám và điều trị trong chuyên khoa RHM. Bao gồm cách khám răng miệng thông thường, cách khám và chẩn đoán bệnh nhân bị Sâu răng, viêm tủy răng, viêm quanh răng, viêm quanh cuống răng và xử trí cấp cứu chấn thương hàm mặt. Hướng dẫn cách chăm sóc răng miệng và cách tuyên truyền phòng bệnh trong cộng đồng.

8.4.70. Tai mũi họng

Môn học Tai Mũi Họng cung cấp cho người học các kiến thức, kỹ năng bao gồm những bệnh lý Tai Mũi Họng và cấp cứu thường gặp ở mọi độ tuổi. Môn học hướng dẫn sinh viên cách thức chẩn đoán và điều trị các bệnh Tai Mũi Họng thông thường. Đồng thời cũng rèn luyện cho sinh viên kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng nhận xét, đánh giá.

8.4.71. Mắt

Học phần bao gồm các bài giảng về một số bệnh thường gặp trong nhãn khoa

cộng đồng. Các vấn đề quan trọng được giảng dạy bao gồm giải phẫu và sinh lý mắt, cách chẩn đoán, điều trị các bệnh mắt thường gặp, mối liên quan giữa bệnh mắt và các bệnh toàn thân và các chấn thương mắt thường gặp.

Sinh viên được hướng dẫn và thực hành các kỹ năng cơ bản về khám và điều trị trong chuyên khoa mắt. Bao gồm cách khám mắt thông thường, đo thị lực, thử kính, đo nhãn áp, đo thị trường ước lượng, cách điều trị, xử trí cấp cứu, cách chăm sóc mắt và cách tuyên truyền tư vấn trong cộng đồng phòng ngừa các bệnh mắt thường gặp.

8.4.72. Ung thư

Sinh viên được trang bị kiến thức về dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, xét nghiệm sàng lọc, chẩn đoán, loại trừ, nguyên tắc điều trị, lập kế hoạch điều trị và điều trị thực tiễn từ đó có thể tự nhận định, chẩn đoán và lập kế hoạch chăm sóc, điều trị và xử trí biến chứng, di chứng bệnh nhân mắc bệnh Ung thư. Dự phòng và phát hiện sớm một số bệnh ung thư thường gặp.

8.4.73. Tâm Thần

Môn học Tâm thần học cung cấp cho người học các kiến thức, kỹ năng về Y học hiện đại: Các chức năng tâm lý (tức hoạt động tinh thần) và mối liên quan với cơ sở giải phẫu và sinh lý thần kinh trong sức khỏe tâm thần lành mạnh- Các chức năng tâm lý bất thường và các dấu hiệu, triệu chứng, hội chứng trong các Rối loạn tâm thần- Các nguyên tắc can thiệp và quản lý bệnh, dùng thuốc và không dùng thuốc trong các Rối loạn tâm thần. Đồng thời cũng rèn luyện cho sinh viên kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng phỏng vấn, suy luận, đánh giá.

8.4.74. Lao

Môn học Lao cung cấp cho người học các kiến thức, kỹ năng về bệnh lao: Dịch tễ học, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán, nguyên tắc điều trị, nguyên tắc dự phòng để chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, dự phòng một số bệnh lao thường gặp. Đồng thời cũng rèn luyện cho sinh viên kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng nhận xét, đánh giá.

8.4.75. Da liễu

Học phần Da liễu là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo Bác sĩ Y khoa trình độ đại học. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức về đặc điểm sinh - bệnh lý, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, tổn thương cơ bản, triệu chứng để chẩn đoán, điều trị và dự phòng một số bệnh Da liễu thường gặp. Đồng thời cũng rèn luyện cho

sinh viên kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng nhận xét, đánh giá.

8.4.76. Dự ứng và Miễn dịch lâm sàng

Học phần tự chọn đối với Y học cổ truyền

- Mục đích chính yếu của học phần là cho sinh viên làm quen với chuyên ngành

Dự ứng – Miễn dịch lâm sàng, có thể chẩn đoán, điều trị, phòng ngừa một số bệnh Dự ứng – Miễn dịch thường gặp.

- Nội dung chính của học phần là giảng dạy lý thuyết và lâm sàng một số tổn thương cơ bản, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị và phòng một số bệnh Dự ứng – Miễn dịch thường gặp.

8.4.77. Tác phẩm kinh điển YHCT Việt Nam

Học phần Tác phẩm kinh điển YHCT Việt Nam là học phần tự chọn được giảng dạy vào năm thứ 6 của chương trình đào tạo ngành YHCT trình độ đại học. Học phần Tác phẩm kinh điển YHCT Việt Nam cung cấp các kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận, phương pháp khám, chẩn đoán, điều trị, một số vị thuốc, bài thuốc cổ phương thường gặp trong các tác phẩm kinh điển YHCT Việt Nam từ đó giúp sinh viên vận dụng trong công tác khám chữa bệnh bằng YHCT. Học viên có thêm trải nghiệm thực tế để biết thêm về nguồn gốc YHCT Việt Nam trong nhiều thế kỷ, tri ân các đại danh y!

8.4.78. Tác phẩm kinh điển YHCT Trung Quốc

Học phần Tác phẩm kinh điển YHCT Trung Quốc là học phần tự chọn được giảng dạy vào năm thứ 6 của chương trình đào tạo ngành YHCT trình độ đại học. Học phần Tác phẩm kinh điển YHCT Trung Quốc cung cấp các kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận, phương pháp khám, chẩn đoán, điều trị, một số vị thuốc, bài thuốc cổ phương thường gặp trong các tác phẩm kinh điển YHCT Trung Quốc từ đó giúp sinh viên vận dụng trong công tác khám chữa bệnh bằng YHCT

8.4.79. Thực tế nghề nghiệp

Học phần thực tế nghề nghiệp giúp sinh viên năm cuối chuyên ngành Bác sĩ YHCT có cơ hội vận dụng toàn diện các kiến thức, kỹ năng y khoa đã được học và thể hiện sự tự chủ trong thực hành lâm sàng ở môi trường thực tế. Sinh viên được thực tập liên tục tại bệnh viện YHCT tuyến tỉnh/thành phố, làm việc như một nhân viên y tế tại bệnh viện dưới sự hướng dẫn, giám sát của các bác sĩ - giảng viên thỉnh giảng. Từ đó giúp người học phát triển năng lực khám, lập luận chẩn đoán, tư duy điều trị và quản lý bệnh nhân, đồng thời rèn luyện đạo đức y học, kỹ năng giao tiếp và làm việc

nhóm trước khi trở thành bác sĩ thực thụ. Do đó đây là một môn học hết sức quan trọng trong quá trình đào tạo bác sĩ chuyên khoa YHCT.

8.4.80. Chuyên môn tổng hợp

Học phần Chuyên môn tổng hợp giúp sinh viên năm cuối vận dụng kiến thức từ lý thuyết để phát triển năng lực lập luận chẩn đoán, tư duy điều trị và quản lý bệnh nhân, đồng thời rèn luyện đạo đức y học, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm trước khi trở thành bác sĩ thực thụ. Do đó đây là một môn học hết sức quan trọng giúp sinh viên tổng hợp các kiến thức để vận dụng vào các lĩnh vực chuyên ngành chủ chốt như Nội khoa YHCT, Ngoại khoa YHCT, Phụ sản YHCT và Nhi khoa YHCT trước khi sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo bác sĩ YHCT.

8.5. Ma trận đóng góp của các học phần theo yêu cầu năng lực của chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo

Bảng 11. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Ghi chú: Chú thích: 3: đáp ứng cao; 2: đáp ứng trung bình; 1: đáp ứng thấp

Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)																
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Triết học Mác-Lê nin		2												1			
Kinh tế chính trị Mác-Lê nin		2								2				1			
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2												1			
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2												1			
Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam		2												1			
Tin học đại cương		1						1	3					1			
Nhà nước và Pháp luật		2															3

Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)																
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Giáo dục thể chất*		2												1			
Tiếng trung 1/Tiếng anh 1		2									1		3	1			
Tiếng trung 2/Tiếng anh 2		2									1		3	1			
Tiếng trung 3/Tiếng anh 3		2									1		3	1			
Dân số học		2															2
Sinh học và di truyền		2												1			
Lý sinh		1												1			
Hoá học		2												1			
Tin học ứng dụng - Xác suất thống kê y học		2						3	3					1			
Tâm lý Y học - Đạo đức Y học - Truyền thông giáo dục sức khỏe		3										3				3	3
Phổ biến pháp luật và hành nghề		2															3
Giải phẫu I		2												1			
Giải phẫu II		2												2			
Mô phôi		2												1			
Sinh lý		2												1			
Hóa sinh		3	1											1			
Vì sinh		3	1											1			
Ký sinh trùng		3	1											1			
Giải phẫu bệnh		3												1			

Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)																
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Sinh lý bệnh - Miễn dịch		3	1											1			
Dược lý	2			3		1					2	2		2			1
Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm	2		1	1	1									2	1		
Sức khỏe môi trường và Sức khỏe nghề nghiệp	2				2									3			
Dịch tễ học	2													3		3	
Điều dưỡng cơ bản	2					1									2		
Nội cơ sở Y học hiện đại	3		2	1	1	1									1		
Ngoại cơ sở Y học hiện đại	3		2	1	1	1									1		
Nội bệnh lý Y học hiện đại	3		3	3	2	2	1				2			2			2
Nội khoa Y học cổ truyền I	3		3	3	3	1	3			3	3			2	2		
Nội khoa Y học cổ truyền II	3		3	3	3	1	3			3	3			2	2		
Ngoại bệnh lý Y học hiện đại	3		3	3	3	1	2				2			2	2		
Ngoại khoa Y học cổ truyền	3		3	3	3	1	2			2	3			3	3		
Phụ sản Y học hiện đại	3		3	3	3	1	2				2	2		2	2		
Phụ sản Y học cổ	3		3	3	3	1	3			2	3	3		3	3		

Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)																
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
truyền																	
Nhi khoa Y học hiện đại	3		3	3	2	1	1				2			2	2		
Nhi khoa Y học cổ truyền	3		3	3	3	1	3			2	3	3		3			
Lão khoa Y học cổ truyền	3		3	3	3	1	3					3		3			
Tiền Lâm sàng Y học hiện đại	2		2				1							2			
Chẩn đoán hình ảnh	2		2									3		3			
Truyền nhiễm YHHD + YHCT	2		3	3	3	3	2					3		3			
Phục hồi chức năng	3		3	3	3		2					3		3			
Thần kinh	3		3	3	3		2					3		3			
Hồi sức cấp cứu	3		2	1	1	3									2		
Nghiên cứu khoa học		2						3								2	2
Y học gia đình	3				2	2	2					3		3			
Chương trình y tế quốc gia- Tổ chức quản lý y tế												3				3	3
Thực tập cộng đồng	3				3		1				3			3	3		
Lý luận cơ bản y học cổ truyền (Y lý 1)	2		2											2			
Thực vật dược	2											2		1	1		

Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)																
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Chẩn đoán học y học cổ truyền (Y lý 2)	2		2											2			
Thuốc y học cổ truyền	3										1	1		2	2		1
Bào chế thuốc y học cổ truyền	2										2			1	1	1	1
Châm cứu 1	3		1	2	2		3				2				2		
Châm cứu 2	3		1	2	2	2	3							3	3		
Phương pháp điều trị không dùng thuốc	3		1	2	2		3							3			1
Phương tễ 1	3			3	1							3		3	3		
Phương tễ 2	3			3	1							3		3	3		
Tự chọn 1: Chọn 6 trong 8 học phần																	
Răng hàm mặt	2		1	1	1												
Tai mũi họng	2		1	1	1							3		3			
Mắt	2		1	1	1							3		3			
Ung thư	2		1	1	1	2								2	2		
Tâm thần	2		1	1	1							2		2			
Lao	2		1	1	1	2						2		2			
Da liễu	2		1	1	1	2								2			
Dị ứng và Miễn dịch lâm sàng	2		1	1	1	2								2			
Tự chọn 2: Chọn 1 trong 2 học phần																	
Tác phẩm kinh điển VN	2		2	2										2			

Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)																
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Tác phẩm kinh điển TQ	2		2	2										2			
Ngoại khoa YHCT (Thực tế nghề nghiệp)	3		3	3	3	3	3				3	2		3	3	2	2
Nhi khoa YHCT (Thực tế nghề nghiệp)	3		3	3	3	3	3				3	2		3	3	2	2
Nội khoa YHCT (Thực tế nghề nghiệp)	3		3	3	3	3	3				3	2		3	3	2	2
Phụ sản YHCT (Thực tế nghề nghiệp)	3		3	3	3	3	3				3	2		3	3	2	2
Chuyên môn tổng hợp	3										2				2		
Khoá luận tốt nghiệp	3							3	3			3		3	3		3

IX. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

Phương pháp giảng dạy và học tập được lựa chọn trên cơ sở đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo nhằm phát triển khả năng khám phá kiến thức, khả năng nhận thức và khả năng kiến tạo ra kiến thức mới của người học. Từ chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, thiết kế chuẩn đầu ra thiết kế chuẩn đầu ra môn học. Dựa trên chuẩn đầu ra này xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến trình giảng dạy: đề cương môn học, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và các công cụ đánh giá. Sau khi kết thúc môn học tiến hành đánh giá môn học và đánh giá chương trình để tiến hành cải tiến chuẩn đầu ra chương trình.

Cách thiết kế phương pháp dạy học của chương trình đào tạo ngành Y học cổ truyền đi theo hướng phát triển năng lực, lấy “Người học là trung tâm”. Kết quả học tập dự kiến sẽ đạt được thông qua phương pháp giảng dạy, hoạt động của giảng viên và sinh viên tương thích, phù hợp theo định hướng phát triển năng lực cho người học bằng sự kết hợp cả hoạt động học tập ở Học viện và tự học.

Kết hợp các phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận nhóm, Team Based Learning, viết chuyên đề, làm bài tập lớn, cầm tay chỉ việc, thực hành, Tăng cường tính chủ động của sinh viên thông qua việc hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu tài liệu, nâng cao tính chủ động sáng tạo trong quá trình dạy và học.

- Thực tập tiền lâm sàng: Tại các phòng thực tập, thí nghiệm, trung tâm tiền lâm sàng của Học viện;
- Thực hành tại bệnh viện tại các cơ sở thực hành chính của Học viện;
- Thực tập tốt nghiệp tại các bệnh viện các tỉnh thời gian 8 tuần;
- Thực tập cộng đồng: Tại các bệnh viện huyện, trung tâm y tế huyện/ thành phố, các trạm y tế thuộc địa bàn tỉnh.

9.1. Ma trận giữa các học phần và phương pháp dạy học

Bảng 12. Bảng ma trận giữa các học phần và phương pháp dạy học

STT	Tên học phần	Thuyết trình	Dạy học liên quan đến vấn đề	Thảo luận nhóm	CBL (Case Based Learning)	Động não	TH theo hướng dẫn	Cầm tay chỉ việc	Dạy học bên giường bệnh	Tổng số PP/1 môn học
1.	Triết học Mác-Lê nin	X	x	x		X				4
2.	Kinh tế chính trị Mác-Lê nin	x	x	x		x				4
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	X	X	X		X				4
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X	X	X		X				4
5.	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	X	X	X		X				4
6.	Tin học đại cương	X		X			X			3
7.	Nhà nước và Pháp luật	x				x				2
8.	Giáo dục thể chất*	x				x	x			3

STT	Tên học phần	Thuyết trình	Dạy học liên quan đến vấn đề	Thảo luận nhóm	CBL (Case Based Learning)	Động não	TH theo hướng dẫn	Cầm tay chỉ việc	Dạy học bên giường bệnh	Tổng số PP/1 môn học
9.	Tiếng trung 1/Tiếng anh 1	x	x	x						3
10.	Tiếng trung 2/Tiếng anh 2	x	x	x						3
11.	Tiếng trung 3/Tiếng anh 3	x	x	x						3
12.	Dân số học	x	x							2
13.	Sinh học và di truyền	x					x			2
14.	Lý sinh	x					x			2
15.	Hoá học	x				x	x			3
16.	Tin học ứng dụng - Xác suất thống kê y học	x		x			x			3
17.	Tâm lý Y học - Đạo	x	x							2

STT	Tên học phần	Thuyết t trình	Dạy học liên quan đến vấn đề	Thảo luận nhóm	CBL (Case Based Learning)	Động não	TH theo hướng dẫn	Cầm tay chỉ việc	Dạy học bên giường bệnh	Tổng số PP/1 môn học
	đức Y học - Truyền thông giáo dục sức khoẻ									
18.	Phổ biến pháp luật và hành nghề	x				x				2
19.	Giải phẫu I	x					x			2
20.	Giải phẫu II	x					x			2
21.	Mô phôi	x		x			x			3
22.	Sinh lý	x					x			2
23.	Hóa sinh	x					x			2

STT	Tên học phần	Thuyết trình	Dạy học liên quan đến vấn đề	Thảo luận nhóm	CBL (Case Based Learning)	Động não	TH theo hướng dẫn	Cầm tay chỉ việc	Dạy học bên giường bệnh	Tổng số PP/1 môn học
24.	Vị sinh	x					x			2
25.	Ký sinh trùng	x					x			2
26.	Giải phẫu bệnh	x	x				x			3
27.	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	x	x				x			3
28.	Dược lý	x	x	x			x			5
29.	Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm	x		x	x					3
30.	Sức khỏe môi trường và Sức khỏe nghề nghiệp	x		x	x					3

STT	Tên học phần	Thuyết trình	Dạy học liên quan đến vấn đề	Thảo luận nhóm	CBL (Case Based Learning)	Động não	TH theo hướng dẫn	Cầm tay chỉ việc	Dạy học bên giường bệnh	Tổng số PP/1 môn học
31.	Dịch tễ học	x		x	x					3
32.	Điều dưỡng cơ bản	x					x			2
33.	Nội cơ sở Y học hiện đại	x		x	x		x		x	5
34.	Ngoại cơ sở Y học hiện đại	x		x	x	x	x		x	6
35.	Nội bệnh lý Y học hiện đại	x		x	x				x	4
36.	Nội khoa Y học cổ truyền I	x		x	x		x		x	5
37.	Nội khoa Y học cổ truyền II	x		x	x		x		x	5

STT	Tên học phần	Thuyết trình	Dạy học liên quan đến vấn đề	Thảo luận nhóm	CBL (Case Based Learning)	Động não	TH theo hướng dẫn	Cầm tay chỉ việc	Dạy học bên giường bệnh	Tổng số PP/1 môn học
38.	Ngoại bệnh lý Y học hiện đại	x		x	x	x	x		x	6
39.	Ngoại khoa Y học cổ truyền	x		x	x	x	x		x	6
40.	Phụ sản Y học hiện đại	x		x	x				x	4
41.	Phụ sản Y học cổ truyền	x		x	x		x		x	5
42.	Nhi khoa Y học hiện đại	x		x	x				x	4
43.	Nhi khoa Y học cổ truyền	x	x	x	x				x	5
44.	Lão khoa Y học cổ truyền	x	x	x	x				x	5
45.	Tiền Lâm sàng Y học hiện đại	x					x			2

STT	Tên học phần	Thuyết t trình	Dạy học liên quan đến vấn đề	Thảo luận nhóm	CBL (Case Based Learning)	Động não	TH theo hướng dẫn	Cầm tay chỉ việc	Dạy học bên giường bệnh	Tổng số PP/1 môn học
46.	Chẩn đoán hình ảnh	x		x	x		x			4
47.	Truyền nhiễm YHHĐ + YHCT	x		x	x		x		x	5
48.	Phục hồi chức năng	x				x	x	x		4
49.	Thần kinh	x		x	x		x		x	5
50.	Hồi sức cấp cứu	x		x	x		x		x	5
51.	Nghiên cứu khoa học	x	x							2
52.	Y học gia đình	x		x	x					3
53.	Chương trình y tế quốc gia- Tổ chức quản lý y tế	x	x							2
54.	Thực tập cộng đồng	x	x	x		x				4
55.	Lý luận cơ bản y học cổ truyền (Y lý 1)	x	x	x						3

STT	Tên học phần	Thuyết trình	Dạy học liên quan đến vấn đề	Thảo luận nhóm	CBL (Case Based Learning)	Động não	TH theo hướng dẫn	Cầm tay chỉ việc	Dạy học bên giường bệnh	Tổng số PP/1 môn học
56.	Thực vật dược	x	x				x			3
57.	Chẩn đoán học y học cổ truyền (Y lý 2)	x	x	x		x		x		5
58.	Thuốc y học cổ truyền	x	x	x		x	x			5
59.	Bào chế thuốc y học cổ truyền	x		x			x			3
60.	Châm cứu 1	x		x			x		x	4
61.	Châm cứu 2	x		x					x	3
62.	Phương pháp điều trị không dùng thuốc	x		x			x		x	4
63.	Phương tể 1	x		x						3
64.	Phương tể 2	x		x						3
Tự chọn 1: Chọn 6 trong 8 học phần										

STT	Tên học phần	Thuyết trình	Dạy học liên quan đến vấn đề	Thảo luận nhóm	CBL (Case Based Learning)	Động não	TH theo hướng dẫn	Cầm tay chỉ việc	Dạy học bên giường bệnh	Tổng số PP/1 môn học
65.	Răng hàm mặt	x	X	x	x				x	5
66.	Tai mũi họng	x		x	x				x	4
67.	Mắt	x		x	x				x	4
68.	Ung thư	x		x	x				x	4
69.	Tâm thần	x		x	x		x		x	5
70.	Lao	x		x	x		x		x	5
71.	Da liễu	x		x					x	3
72.	Dị ứng và Miễn dịch lâm sàng	x		x		x			x	4
Tự chọn 2: Chọn 1 trong 2 học phần										
73.	Tác phẩm kinh điển VN	x		x						2

STT	Tên học phần	Thuyết trình	Dạy học liên quan đến vấn đề	Thảo luận nhóm	CBL (Case Based Learning)	Động não	TH theo hướng dẫn	Cầm tay chỉ việc	Dạy học bên giường bệnh	Tổng số PP/1 môn học
74.	Tác phẩm kinh điển TQ	x		x						2
75.	Ngoại khoa YHCT (Thực tế nghề nghiệp)	x		x	x		x		x	5
76.	Nhi khoa YHCT (Thực tế nghề nghiệp)	x		x	x		x		x	5
77.	Nội khoa YHCT (Thực tế nghề nghiệp)	x		x	x		x		x	5
78.	Phụ sản YHCT (Thực tế nghề nghiệp)	x		x	x		x		x	5
79.	Chuyên môn tổng hợp		x							1
80.	Khoa luận tốt nghiệp			x		x				2

9.2. Các phương pháp dạy và học nói trên giúp sinh viên đạt được PLO

Bảng 13. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLO) và phương pháp dạy-học

Các phương pháp dạy-học	Chuẩn đầu ra (PLO)																
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1. Thuyết trình	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
1. Dạy học dựa trên vấn đề	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x
2. Thảo luận nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
3. CBL	x		x	x	x	x	x			x	x	x		x	x		
4. Động não	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x		x	x		x
5. Thực hành theo hướng dẫn	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x
6. Cầm tay chỉ việc	x		x	x	x		x					x		x			
7. Dạy học bên giường bệnh	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x		x	x	x	x

9.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ 2 năm/1 lần theo hướng điều chỉnh đáp ứng được nhu cầu của người học và các bên có liên quan.

Có nhiều hình thức hỗ trợ sinh viên trong nhiệm vụ rèn luyện đạo đức, tác phong và kỹ năng của một người dược sỹ.

Hàng năm, bộ môn xây dựng kế hoạch dự giờ của GV đặc biệt là GV trẻ để trao đổi chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy nâng cao năng lực GV.

Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về phẩm chất, tài năng, đạo đức và tác phong của GV.

Thường xuyên lấy ý kiến của các bên liên quan về nhu cầu sử dụng người học sau khi tốt nghiệp.

9.4. Đội ngũ và cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

9.4.1. Đội ngũ cán bộ

Đội ngũ cán bộ giảng dạy cơ hữu đúng chuyên ngành: Đủ số giảng viên cơ hữu theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT.

9.4.2. Cơ sở vật chất

Hệ thống phòng học lý thuyết với trang thiết bị truyền thống, có trang bị thêm công cụ hỗ trợ giảng dạy.

Mỗi môn học có học phần thực hành phải có ít nhất 01 phòng thực hành được trang bị đầy đủ theo quy định về chuyên môn của Bộ Y tế.

X. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

10.1. Đánh giá chung toàn khóa

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ thông qua các tiêu chí sau:

- Số tín chỉ của các học phần được sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).

- Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần (cả đạt và không đạt) do sinh viên đăng ký trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.

- Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của các học phần đã được đánh giá theo thang điểm chữ A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺, D, tính từ đầu khóa học.

- Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các học phần và được đánh giá bằng các điểm chữ A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺, D, mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ.

10.2. Đánh giá học phần

Đánh giá kết quả học tập của sinh viên là quá trình ghi chép, lưu giữ và cung cấp thông tin về sự tiến bộ của người học trong suốt quá trình dạy học. Việc đánh giá đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, khách quan và phân hóa, thường xuyên liên tục và định kỳ. Yêu cầu và tiêu chí đánh giá cụ thể được Học viện thiết kế và công bố, làm rõ cho người học trước khi học.

Các thông tin về đánh giá được cung cấp và chia sẻ kịp thời cho các bên liên quan gồm người dạy, người học và nhà quản lý. Từ đó, kịp thời có những điều chỉnh về các hoạt động dạy học, đảm bảo định hướng và đạt được mục tiêu dạy học.

Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam đã xây dựng và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Tùy thuộc vào chiến lược, phương pháp dạy học và yêu cầu đáp ứng chuẩn đầu ra của từng môn học để lựa chọn các phương pháp đánh giá phù hợp, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin để đánh giá mức độ tiến bộ của người học cũng như mức độ hiệu quả đạt được của tiến trình dạy học.

Tùy theo các học phần, ngoài việc đánh giá quá trình học tập trên lớp của sinh viên do giảng viên đánh giá; mỗi học phần đều được đánh giá thông qua các bài kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc học phần. Hình thức thi và kiểm tra hướng tới đánh giá năng lực người học.

Sử dụng đa dạng các phương pháp đánh giá tích cực phù hợp chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ra như: tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp thực hành.

Bảng 14. Bảng ma trận giữa các học phần và phương pháp đánh giá

STT	Tên học phần	Tự luận	MCQ	Vấn đáp	Thuyết trình/Báo cáo tiểu luận	Chạy trạm (OSCE)	Thực hành (thi trên BN, thi trên công việc thật)	Tổng số phương pháp
1.	Triết học Mác-Lê nin	x	x					2
2.	Kinh tế chính trị Mác-Lê nin	x	x					2
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x	x					2
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x	x					2
5.	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	x	x					2
6.	Tin học đại cương						x	1
7.	Nhà nước và Pháp luật		x					1
8.	Giáo dục thể chất*				x		x	2
9.	Tiếng trung 1/Tiếng anh 1		x					1
10.	Tiếng trung 2/Tiếng anh 2		x					1
11.	Tiếng trung 3/Tiếng anh 3		x					1
12.	Dân số học		x					1
13.	Sinh học và di truyền		x				x	2

STT	Tên học phần	Tự luận	MCQ	Vấn đáp	Thuyết trình/Báo cáo tiểu luận	Chạy trạm (OSCE)	Thực hành (thi trên BN, thi trên công việc thật)	Tổng số phương pháp
14.	Lý sinh		x			x		2
15.	Hóa học		x				x	2
16.	Tin học ứng dụng - Xác suất thống kê y học		x				x	2
17.	Tâm lý Y học - Đạo đức Y học - Truyền thông giáo dục sức khỏe	x	x					2
18.	Phổ biến pháp luật và hành nghề		x					1
19.	Giải phẫu I	x	x			x		3
20.	Giải phẫu II	x	x			x		3
21.	Mô phôi		x			x		2
22.	Sinh lý		x				x	2
23.	Hóa sinh		x				x	2
24.	Vĩ sinh		x				x	2

STT	Tên học phần	Tự luận	MCQ	Vấn đáp	Thuyết trình/Báo cáo tiểu luận	Chạy trạm (OSCE)	Thực hành (thi trên BN, thi trên công việc thật)	Tổng số phương pháp
25.	Ký sinh trùng		x				x	2
26.	Giải phẫu bệnh	x	x				x	3
27.	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	x	x			x		3
28.	Dược lý		x				x	2
29.	Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm	x	x					2
30.	Sức khỏe môi trường và Sức khỏe nghề nghiệp		x					1
31.	Dịch tễ học		x					1
32.	Điều dưỡng cơ bản		x				x	2
33.	Nội cơ sở Y học hiện đại		x	x			x	3
34.	Ngoại cơ sở Y học hiện đại		x	x			x	3
35.	Nội bệnh lý Y học hiện đại		x	x			x	3
36.	Nội khoa Y học cổ truyền I		x	x			x	3
37.	Nội khoa Y học cổ truyền II		x	x			x	3

STT	Tên học phần	Tự luận	MCQ	Vấn đáp	Thuyết trình/Báo cáo tiểu luận	Chạy trạm (OSCE)	Thực hành (thi trên BN, thi trên công việc thật)	Tổng số phương pháp
38.	Ngoại bệnh lý Y học hiện đại		x	x			x	3
39.	Ngoại khoa Y học cổ truyền		x	x			x	3
40.	Phụ sản Y học hiện đại		x	x			x	3
41.	Phụ sản Y học cổ truyền		x	x			x	3
42.	Nhi khoa Y học hiện đại		x	x			x	3
43.	Nhi khoa Y học cổ truyền		x	x			x	3
44.	Lão khoa Y học cổ truyền		x	x			x	3
45.	Tiền Lâm sàng Y học hiện đại						x	1
46.	Chẩn đoán hình ảnh		x				x	2
47.	Truyền nhiễm YHHĐ + YHCT		x	x			x	3
48.	Phục hồi chức năng		x	x			x	3
49.	Thần kinh		x	x			x	3
50.	Hồi sức cấp cứu		x	x			x	3
51.	Nghiên cứu khoa học				x			1
52.	Y học gia đình		x					1

STT	Tên học phần	Tự luận	MCQ	Vấn đáp	Thuyết trình/Báo cáo tiểu luận	Chạy trạm (OSCE)	Thực hành (thi trên BN, thi trên công việc thật)	Tổng số phương pháp
53.	Chương trình y tế quốc gia- Tổ chức quản lý y tế	x	x					2
54.	Thực tập cộng đồng			x	x			2
55.	Lý luận cơ bản y học cổ truyền (Y lý 1)		x					1
56.	Thực vật dược		x				x	2
57.	Chẩn đoán học y học cổ truyền (Y lý 2)		x				x	2
58.	Thuốc y học cổ truyền		x				x	2
59.	Bào chế thuốc y học cổ truyền		x				x	2
60.	Châm cứu 1		x	x			x	3
61.	Châm cứu 2		x	x			x	3
62.	Phương pháp điều trị không dùng thuốc		x	x			x	3
63.	Phương tế 1		x					1

STT	Tên học phần	Tự luận	MCQ	Vấn đáp	Thuyết trình/Báo cáo tiểu luận	Chạy trạm (OSCE)	Thực hành (thi trên BN, thi trên công việc thật)	Tổng số phương pháp
64.	Phương tể 2		x					1
Tự chọn 1: Chọn 6 trong 8 học phần								
65.	Răng hàm mặt		x	x			x	3
66.	Tai mũi họng		x	x			x	3
67.	Mắt		x	x			x	3
68.	Ung thư		x	x			x	3
69.	Tâm thần		x	x			x	3
70.	Lao		x	x			x	3
71.	Da liễu		x	x			x	3
72.	Dị ứng và Miễn dịch lâm sàng		x	x			x	3
Tự chọn 2: Chọn 1 trong 2 học phần								
73.	Tác phẩm kinh điển VN		x					1
74.	Tác phẩm kinh điển TQ		x					1
75.	Ngoại khoa YHCT (Thực tế nghề nghiệp)			x			x	2

STT	Tên học phần	Tự luận	MCQ	Vấn đáp	Thuyết trình/Báo cáo tiểu luận	Chạy trạm (OSCE)	Thực hành (thi trên BN, thi trên công việc thật)	Tổng số phương pháp
76.	Nhi khoa YHCT (Thực tế nghề nghiệp)			x			x	2
77.	Nội khoa YHCT (Thực tế nghề nghiệp)			x			x	2
78.	Phụ sản YHCT (Thực tế nghề nghiệp)			x			x	2
79.	Chuyên môn tổng hợp	x						1
80.	Khoa luận tốt nghiệp			x	x			2

Bảng 15. Quan hệ giữa phương pháp đánh giá và PLO

Phương pháp đánh giá (Assessment methods)	Chuẩn đầu ra (PLO)																
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1. Tự luận	x	x	x	x	x		x			x	x	x		x	x	x	x
2. MCQ	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
3. Vấn đáp	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x		x	x	x	x
4. Thuyết trình/Báo cáo tiểu luận		x						x							x		x
5. Chạy trạm (OSCE)		x												x			
6. Thực hành (thi trên BN/Thi trên công việc thật)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x

10.3. Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubrics)

Trên cơ sở các phương pháp đánh giá, các bộ môn đã xây dựng các công cụ, tiêu chí cụ thể để thực hiện việc đánh giá sinh viên theo các Rubrics. Tùy theo yêu cầu, mục tiêu và đặc trưng của từng môn học để lựa chọn phương pháp đánh giá cũng như Rubrics đánh giá thích hợp. Cùng một phương pháp đánh giá có thể áp dụng Rubric đánh giá khác nhau cho các học phần khác nhau.

Các Rubrics đánh giá được xây dựng chi tiết tương ứng với phương pháp đánh giá trong Phương pháp đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

10.4. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá

10.4.1. Đối với học phần lý thuyết (hoặc lý thuyết có thực hành môn học)

a) Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần phần (gọi tắt là điểm học phần) được căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm chuyên cần; điểm thi giữa học phần; điểm đánh giá công việc thực hiện tại nhà; và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số không dưới 50%. Điểm tổng kết học phần được tính từ tổng điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng.

b) Đối với mỗi học phần sinh viên được đánh giá qua tối thiểu hai điểm thành phần. Đối với học phần có khối lượng nhỏ hơn 02 tín chỉ, có thể chỉ có 1 điểm đánh giá.

c) Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận, thi kết thúc học phần do Bộ môn đề xuất, được Giám đốc phê duyệt và phải được quy định công khai trong đề cương chi tiết của học phần.

10.4.2. Đối với các học phần thực hành:

- Điểm đánh giá bộ phận là điểm đánh giá các bài thực hành trong quá trình giảng dạy, điểm này được làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Số lần đánh giá các bài thực hành: Được quy định bằng số tín chỉ của học phần đó.

- Sinh viên phải đi học đầy đủ 100% số buổi thực hành, và không còn bài nào bị dưới 4/10 điểm.

- Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận trừ bài thi kết thúc học phần.

GHI CHÚ:

1. Điểm đánh giá bộ phận, điểm quá trình, điểm thi kết thúc học phần, điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

2. Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng.

3. Cách xếp loại điểm thi kết thúc học phần, điểm học phần như sau:

a) Loại đạt: A (8,5 - 10)

B⁺ (8,0 - 8,4)

B (7,0 - 7,9)

C⁺ (6,5 - 6,9)

C (5,5 - 6,4)

D⁺ (5,0 - 5,4)

D (4,0 - 4,9)

b) Loại không đạt: F (dưới 4,0)

10.5. Đối với học phần *Thực tập nghề nghiệp*

- Thực tập nghề nghiệp gồm Lý thuyết/Khoá luận và Lâm sàng thực tập nghề nghiệp

Lâm sàng thực tập nghề nghiệp có thời gian 8 tuần tại các bệnh viện chuyên ngành YHCT, cuối đợt tiến hành thi kết thúc thực tập lâm sàng.

- Nếu sinh viên đủ điểm làm khoá luận, có nguyện vọng đăng ký làm khoá luận tốt nghiệp thì được làm khoá luận. Các sinh viên còn lại học lý thuyết thực hành nghề

nghiệp. Việc đánh giá mỗi khóa luận tốt nghiệp được quy định trong văn bản riêng do Giám đốc Học viện ban hành. Điểm của khóa luận tốt nghiệp được chấm theo thang điểm theo quy định tại Thông tư 08/TT-BGDDT năm 2021 về Đào tạo Đại học phần theo hệ thống tín chỉ. Kết quả chấm khóa luận tốt nghiệp được công bố chậm nhất là 2 tuần, kể từ ngày nộp khóa luận tốt nghiệp. Điểm khóa luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học.

Sinh viên có khóa luận tốt nghiệp bị điểm F, phải đăng ký làm lại khóa luận tốt nghiệp; hoặc phải đăng ký học và thi lý thuyết thực tập nghề nghiệp để thay thế.

XI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Hoạt động dạy-học lý thuyết được tổ chức tại các giảng đường.
- Thực hành các module/học phần y học cơ sở: tại các phòng thực hành chức năng tại phòng thực hành các bộ môn.
- Thực tập tiền lâm sàng tại Trung tâm Tiền lâm sàng.
- Sinh viên đi thực hành Y khoa sớm từ năm 3 tại các bệnh viện trung ương, bệnh viện chuyên ngành, bệnh viện/trung tâm y tế tuyến quận/huyện trong thành phố Hà Nội.

XII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo này được áp dụng từ kỳ tuyển sinh năm 2022-2023 cho sinh viên ngành Y học cổ truyền trình độ đại học

Quá trình đào tạo được dựa trên chương trình giảng dạy được thiết kế, mục tiêu đào tạo và đối tượng hướng đến, yêu cầu nguồn nhân lực và những yêu cầu riêng cho đào tạo. Với những học phần tự chọn, tùy thuộc vào tình hình thực tế của xu thế phát triển, nhu cầu xã hội, khoa sẽ tư vấn cho sinh viên lựa chọn những học phần thích hợp.

Trường khoa chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời, thỏa mãn được nhu cầu của người học và xã hội. Dựa trên đề cương chi tiết các học phần, kinh phí cho thực hành, thực tập và tăng cường trang thiết bị, máy móc, thiết bị thí nghiệm cho mỗi học phần và toàn bộ khóa học, trường các bộ phận liên quan sẽ phải kiểm tra, đánh giá và trình Giám đốc phê duyệt.

Chương trình đào tạo được rà soát và cập nhật mỗi 2-3 năm, khi có bất kỳ sự cần thiết phải cập nhật để đáp ứng các mục tiêu và tiêu chuẩn mới. Khoa sẽ nộp bản báo cáo cho Học viện để xem xét và giải quyết theo quy định hiện hành.

XIII. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

XIV. PHỤ LỤC

1. Các văn bản pháp lý

- Chỉ thị 296/CT-TTg ngày 27-2-2010 của Thủ tướng Chính phủ,
- Công văn số 2196/BGDĐT-GDDH ngày 22-4-2010;
- Quyết định 1982/QĐ-TTg phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam 2016
- Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

- Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Quyết định 2389/QĐ-HVYDCT ngày 30/08/2023 và Quyết định 2407/QĐ-HVYDCT ngày 31/08/2023 về ban hành chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành Y học cổ truyền.

- Quyết định 2407/QĐ-HVYDCT ngày 30/08/2023 và Quyết định 2407/QĐ-HVYDCT ngày 31/08/2023 về ban hành chương trình đào tạo ngành Y học cổ truyền.

2. Khung chương trình các trường đại học khác

- Trường đại học Y Hà Nội.
- Trường đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.
- Trường đại học Y Dược Hải Phòng.
- Đại học Trung Y Dược Thiên Tân - Trung Quốc.
- Đại học Trung Y Dược Nam Kinh - Trung Quốc.

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2023

TRƯỞNG KHOA

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Quốc Huy



TS. Phạm Thái Hùng

